2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

www.vietfracht.com.vn

MỤC LỤC
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT **2**

Các mốc lịch sử quan trọng **4**

Tổng quan Công ty năm 2013 **5**
Báo cáo của HĐQT **10**
Báo cáo của Ban Giám đốc **16**
Báo cáo của Ban Kiểm soát **25**

Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán **29**
Báo cáo của Ban Giám đốc **30**
Báo cáo của Kiểm toán viên **32**
Bảng cân đối kế toán **34**
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh **36**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ **37**
Thuyết minh báo cáo tài chính **38**

Cơ cấu lãnh đạo Công ty **61**
Thành viên HĐQT, BKS, BĐH

Sơ đồ tổ chức của Công ty **69**

Các Doanh nghiệp và Đối tác **71**
Các Cty góp vốn và có vốn góp
Các thành viên góp vốn sáng lập

Các đơn vị thành viên **75**

TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

"Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành Công ty kinh doanh đa lĩnh vực nhưng xoay quanh cốt lõi là nghiệp vụ hàng hải, với mục tiêu hàng đầu là hiệu quả và chất lượng dịch vụ. Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo, đổi mới trong phát triển kinh doanh, hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt nhất, nhằm không ngừng tăng trưởng giá trị cổ phiếu cho cổ đông. Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo cho mọi thành viên nhằm đưa lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần".

Thông điệp của Chủ Tịch HĐQT - Mr. Trần Văn Quý

Kính thưa các quí cổ đông,

Năm 2013 là năm kỷ niệm Công ty tròn 50 tuổi. Mặc dù kinh tế thế giới có sự phục hồi nhẹ nhưng năm 2013 vẫn tiếp tục là một năm khó khăn của các doanh nghiệp vận tải biển. Trong khi hầu hết các đơn vị cùng ngành nghề đều gánh chịu mức lỗ kỷ lục thì kết quả kinh doanh 2013 của Công ty có lãi, dù không lớn, nhưng đây là một thành công, là sự cố gắng lớn của ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong bối cảnh thị trường mua bán tàu biển hết sức trầm lắng, Công ty đã bán thành công tàu Vietfracht 02 trước kỳ lên đà đặc biệt, đã góp phần cắt và giảm lỗ của đội tàu. Để giảm bớt khó khăn về dòng tiền và giảm chi phí tài chính, năm vừa qua Công ty đã đàm phán thành công với các ngân hàng để giãn nợ và giảm lãi suất tiền vay đối với các khoản vay thương mại của Công ty.

Năm 2014 - theo đánh giá chung thì tình hình thị trường vận tải biển vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, việc thoái vốn của nhà nước (do SCIC quản lý) tại Công ty theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2344/QĐ-TTg ngày 02/12/2013, sẽ là một trong những yếu tố tác động lớn đến hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Mục tiêu Công ty năm 2014 là vẫn tiếp tục thực hiện việc tái cơ cấu đội tàu và tài sản; duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong các lĩnh vực dịch vụ mà Công ty đang cung cấp; triệt để tiết kiệm chi phí, bảo toàn vốn; từng bước tái cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng cho mảng dịch vụ Logistics; đảm bảo duy trì việc làm, đời sống cho người lao động và lợi ích của các cổ đông.

Thay mặt HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht, tôi xin gửi tới các quí cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và lời cảm ơn chân thành vì đã đồng hành, ủng hộ Công ty trong suốt thời gian qua.

Kính chào trân trọng.

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường biển
- ✓ Thuê tàu, cho thuê tàu và môi giới thuê tàu
- ✓ Giao nhận vận tải đường biển, hàng không, đường bộ
- ✓ Kinh doanh kho bãi và container
- ✓ Đầu tư tài chính
- ✓ Đại lý tàu biển

THÀNH TỰU

- ✓ Huân chương độc lập
- ✓ Đơn vị anh hùng lao động
- ✓ Cúp vàng doanh nghiệp
- ✓ Chứng chỉ ISO 9001 - 2008

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

1963

"Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht" được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.

1984

Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành "Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht" theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ).

1991

Được đổi tên thành "Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht"

2003

Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ: Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ GTVT.

2005

Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty

2006

Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

2006

Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán: ***VFR.***

TỔNG QUAN CÔNG TY NĂM 2014

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty: **Công ty CP Vận tải và Thuê tàu**

Tên tiếng Anh: **Transport and Chartering Corporation**

Tên viết tắt (hay tên giao dịch): **Vietfracht**

Trụ sở chính: Số 74 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 38 228915

Fax: 04 38 228916

Website: www.vietfracht.com.vn

Mã cổ phiếu: VFR

Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0100105937 ngày 02/10/2006

Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Chủ sở hữu: TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn NN - SCIC

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 76,532 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

+ Phấn đấu trở thành một trong số các doanh nghiệp hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, có thương hiệu Vietfracht nổi bật;

+ Luôn chú trọng cải thiện điều kiện, môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

+ Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn để duy trì, phát triển hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.

+ Tích cực tham gia công tác xã hội, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và Xã hội.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Vận tải và Thuê tàu được thành lập lần đầu vào ngày 18/02/1963 với tên gọi "Tổng Công ty Vận tải ngoại thương", trực thuộc Bộ Ngoại thương. Đến năm 1984 được đổi tên là "Tổng Công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải" và được chuyển sang trực thuộc Bộ Giao thông vận tải. Đến năm 2006 được cổ phần hoá và niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mang tên mới từ đó đến nay là Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Tên viết tắt cũng là thương hiệu của Công ty tồn tại không thay đổi suốt từ ngày thành lập, từ năm 1963 - đến nay là **Vietfracht.**

Vietfracht là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức Hàng hải quốc tế và Ban-tích (BIMCO), Liên đoàn quốc tế những Hiệp hội giao nhận (FIATA), Liên đoàn những Hiệp hội quốc gia về đại lý và môi giới hàng hải (FONASBA), Hiệp hội Chủ tàu các nước thuộc Hội các nước Đông Nam Á (FASA), Diễn đàn Chủ tàu châu Á (ASF), và là một trong những thành viên sáng lập của nhiều tổ chức quốc gia như: Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam (VSA), Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLC) và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, Vietfracht được biết đến là một trong những công ty hàng hải hàng đầu của Việt Nam. Công ty luôn đổi mới, cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đạt hiệu quả cao trong SXKD. Với những thành tích đáng tự hào nêu trên, Cty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quí: Huân chương Lao động hạng Nhất/Nhì/Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba, Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Công ty đang ký ngành nghề kinh doanh rất đa dạng, phong phú, song tập trung chủ yếu vào một số ngành nghề chính sau đây:

- Vận tải hàng hóa bằng đường biển (bao gồm vận tải container, hàng siêu trường siêu trọng, hàng rời, hàng bách hoá theo các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế). Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới hàng hải và các dịch vụ môi giới khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải hàng hoá đa phương thức, bằng đường không, đường biển, đường bộ… theo sự ủy thác của chủ tàu và chủ hàng và các dịch vụ liên quan;
- Khai thác kho bãi container, kho ngoại quan, kho trung chuyển, phân phối, thu gom hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng hoá nội địa;
- Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc;
- Đầu tư thành lập các công ty liên doanh liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực (nêu trên) để mở rộng mạng lưới kinh doanh; Đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác.

* Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng trên khắp mọi miền của đất nước, chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn hoặc thành phố - cảng biển lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Tp Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai…

BỐI CẢNH KINH TẾ NĂM 2013

- *Kinh tế thế giới* : Trong gần 3 năm qua, tình hình thế giới có nhiều diễn biến rất phức tạp. Xung đột và thiên tai xảy ra ở nhiều nơi. Kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu lần này được đánh giá là trầm trọng nhất kể từ Đại suy thoái kinh tế thế giới 1929 - 1933. Nhiều nước công nghiệp phát triển đã điều chỉnh mạnh chính sách để bảo hộ sản xuất trong nước. Cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn tại khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á và diễn biến phức tạp trên Biển Đông, Biển Hoa Đông... Thực trạng trên tác động bất lợi đến sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta và cũng là lý do chính cho sự suy giảm của thị trường hàng hải thế giới.

- *Kinh tế Việt Nam:* những hạn chế yếu kém vốn có của nền kinh tế Việt Nam cùng với mặt trái của chính sách hỗ trợ tăng trưởng đã làm cho nền kinh tế lao đao, lạm phát tăng cao, tốc độ tăng trưởng chậm lại, sản xuất kinh doanh bị đình đốn và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đứng trước tình hình này, bước vào năm 2013, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời điều chỉnh mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm theo hướng tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội, ...

Theo đánh giá của Chính Phủ, năm 2013 nền kinh tế nước ta đã có những bước phục hồi. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng của kinh tế nước ta chưa vững chắc, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, còn tồn tại nhiều rủi ro, bất lợi như: Bội chi ngân sách, nợ công, nợ xấu còn cao; tiến trình tái cơ cấu kinh tế rất chậm, gặp nhiều khó khăn - nhất là khâu tái cơ cấu các tập đoàn, DN nhà nước; môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, nhiều nút thắt, hệ quả cụ thể là năm 2013 có trên 61.000 doanh nghiệp phải giải thể, hoặc tạm dừng hoạt động – tương đương với con số của năm 2012.

- *Thị trường hàng hải thế giới*:

+ Hầu hết thời gian của năm 2013 là sự kéo dài tình trạng trầm lắng của năm 2012 – năm được coi là năm khủng hoảng sâu nhất của ngành hàng hải thế giới. Trong 3 quý đầu năm 2013, chỉ số BDI đối với tàu hàng khô chỉ xấp xỉ quanh mốc 800 điểm, gần với mức đáy (647 điểm ghi nhận được trong năm 2012). Chỉ đến quý IV/2013 chỉ số BDI mới bắt đầu nhích lên đôi chút, tuy nhiên sự khởi sắc khiêm tốn này chưa bền vững và mới chỉ tập trung vào phân khúc tàu cỡ lớn như Capsize và Panamax, còn với cỡ Handysize và nhỏ hơn (như đội tàu của Công ty) thì thị trường vẫn ở mức rất thấp. Thị trường tàu dầu và tàu container cũng đều xấu. Trong khi đó, giá dầu và các loại phí không giảm mà vẫn dao động ở mức tương đối cao…

+ Tình hình trên đã gây ra rất nhiều khó khăn cho cộng đồng các doanh nghiệp vận tải biển (VTB) trên toàn thế giới. Ví dụ: 03 hãng VTB lớn nhất của Nhật Bản là NYK, MOL và "K" Lines gặp khó khăn. Các hãng Evergreen, Yang Ming của Đài Loan cũng gặp khó khăn. Các hãng VTB lớn nhất Hàn Quốc là Hanjin, Hyundai Merchant và STX còn gặp khó khăn lớn hơn: Ngoài việc kinh doanh thua lỗ (9 tháng/2013 Hanjin lỗ 391 triệu USD), thì các hãng này đang chịu gánh nặng lãi vay lớn do đầu tư nhiều tàu vào lúc giá tàu ở mức cao trong giai đoạn trước khủng hoảng. Hai hãng VTB lớn của Trung Quốc là COSCO và China Shipping cũng chịu khó khăn tương tự, đến mức mà Chính phủ Trung Quốc yêu cầu hai hãng này phải tái cấu trúc. Tại Việt Nam năm 2013 ghi nhận nhiều công ty vận tải biển bị lỗ, như các công

ty VOSCO, VITRANCHART, VINASHIP và ĐÔNG ĐÔ đều bị lỗ, trong đó Công ty Đông Đô đã phải hủy niêm yết sau 3 năm bị lỗ liên tiếp…

- Tình hình Công ty năm 2013:

Với môi trường kinh doanh khó khăn, thị trường VTB suy thoái như đã nêu, nên tất cả các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty đều gặp nhiều khó khăn trong năm 2013. Ngoài ra, do đã hứng chịu cơn bão khủng hoảng mấy năm qua nên tình hình tài chính Công ty cũng suy yếu, gây thêm khó khăn cho hoạt động SXKD. Mặc dù vậy, ban lãnh đạo và tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực, cố gắng, tập trung các giải pháp để duy trì sản xuất, bảo đảm khả năng thanh toán… dẫn đến kết quả toàn Công ty năm 2013 vẫn có lãi và hoàn thành kế hoạch đề ra.

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2013

1. Cơ cấu HĐQT

HĐQT Công ty Vietfracht gồm 05 thành viên được ĐHĐCĐ bầu cho nhiệm kỳ 2011 - 2015, trong đó 01 thành viên là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, làm việc thường xuyên tại Công ty, 01 thành viên HĐQT kiêm TGĐ điều hành, làm việc thường xuyên tại Công ty; và 03 thành viên kiêm nhiệm khác không làm việc thường xuyên tại Công ty (trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập, đáp ứng tỷ lệ 1/3 tổng số thành viên HĐQT theo quy định). Danh sách các thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần… được nêu trong phần cuối của Báo cáo thường niên.

Căn cứ vào thực tế của công ty, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban, mà sử dụng chung bộ máy của Ban Điều hành, giúp việc HĐQT là một Thư ký HĐQT.

2. Hoạt động của HĐQT

- Thực hiện qui chế nội bộ của công ty về quản trị doanh nghiệp HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty và Ban Điều hành, có sự trao đổi liên lạc giữa các thành viên HĐQT để có ý kiến chỉ đạo kịp thời về các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền.

- HĐQT chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết và quyết định của HĐQT. Hàng quý, HĐQT đều tiến hành họp HĐQT thường kỳ để xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty quý trước, xem xét để thông qua kế hoạch động cho quý sau. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT tiến hành họp bất thường để kịp thời giải quyết vướng mắc, tạo điều kiện phục vụ sản xuất. HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, với Ban Kiểm soát trong xử lý các công việc quan trọng của Công ty. Trong tất cả các cuộc họp của mình, HĐQT đều cung cấp đầy đủ tài liệu và mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự để cùng thực hiện chức năng quản trị - giám sát.

- Hình thức họp HĐQT vẫn chủ yếu là gặp mặt trực tiếp. Bên cạnh đó tùy theo tính chất công việc, HĐQT đã tiến hành họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng Email để kịp thời quyết định những vấn đề cấp bách phát sinh, tiết kiệm chi phí và thời gian của các thành viên HĐQT ở xa. Trong năm 2013, HĐQT đã có 4 cuộc họp trực tiếp và 4 lần trao đổi qua email để bàn bạc, xem xét, ban hành các nghị quyết và quyết định để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

- Thực hiện Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, HĐQT đã soạn thảo và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht vào ngày 25/9/2013. Quy chế này thay thế các quy chế: "Quy chế Quản trị Công ty" ban hành ngày 22/4/2009, và "Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Quản trị" ban hành ngày 12/01/2012.

- Tự đánh giá năm 2013, HĐQT đã bám sát các hoạt động của Công ty, phối hợp chặt chẽ cùng Ban Điều hành, kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định đáp ứng các yêu cầu duy trì ổn định và phát triển Công ty. HĐQT đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật nhà nước về quản trị Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Cty Vietfracht.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGĐ và Ban Điều hành

- Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn trong SXKD, đặc biệt là lĩnh vực vận tải biển. Do vậy việc hoàn thành kế hoạch tài chính của ĐHĐCĐ đề ra là cố gắng đáng ghi nhận của Ban Điều hành. Công tác quản ly tài chính, bảo toàn phất triển nguồn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.
- Trong năm vừa qua, Tổng Giám đốc, các thành viên trong Ban điều hành thuộc diện quản lý của HĐQT đều tích cực, có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động SXKD của Công ty, trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.
- Trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc đã tập hợp và huy động được tập thể cán bộ dưới quyền cùng tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, các qui chế nội bộ của Công ty. Tuy nhiên để phục vụ có hiệu quả mục tiêu ổn định, vượt qua khủng hoảng, phát triển lâu dài, Ban Điều hành cần năng động hơn trong công tác phát triển mở rộng khách hàng mới , xây dựng, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực về quản lý và chuyên môn, đặc biệt là quản lý chất lượng đội ngũ thuyền viên.

4. Thù lao của HĐQT năm 2013

Đơn vị: Đồng

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao /tháng	Thù lao cả năm
1	Trần Văn Quý	CT HĐQT	4.500.000	54.000.000
2	Ngô Xuân Hồng	UV HĐQT-TGĐ	4.000.000	48.000.000
3	Nguyễn Trọng Hiền	UV HĐQT	4.000.000	48.000.000
4	Ngô Minh Thuấn	UV HĐQT	4.000.000	48.000.000
5	Nguyễn Quang Thoại	UV HĐQT	4.000.000	48.000.000
	Tổng cộng:		**20.500.000**	**246.000.000**

Ghi chú: Công ty giữ lại 10% tổng số tiền nêu trên để nộp thuế TNCN

5. Cơ cấu cổ đông

Vietfracht là Công ty đại chúng, niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) từ năm 2006. Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông 03/3/2014, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

- 01 cổ đông chi phối là TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) nắm giữ 7.653.200 cổ phần tương đương 51% vốn điều lệ.
- Còn lại 7.346.800 cp (chiếm 49% vốn điều lệ) do 989 cổ đông (gồm 19 tổ chức và 970 cá nhân) trong và ngoài nước nắm giữ, trong đó:

+ Có 01 cổ đông lớn (tức sở hữu 5% tổng số CP trở lên): TCTy Tân Cảng Sài Gòn, sở hữu 1 triệu CP, chiếm 6,6% vốn Điều lệ

+ Có 50 cổ đông trong số 988 cổ đông nhỏ còn lại nắm giữ 4.733.142 cổ phiếu tương đương 31,6% vốn điều lệ của Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2013

1. Kết quả SXKD của Công ty năm 2013

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	TH/KH 2013
1	Tổng doanh thu	350,788	354,84	101,0%
2	Tổng chi phí	350,669	354,62	101,1%
3	LN trước thuế	0,119	0,219	184%
4	LN sau thuế	0,119	0,219	184%

Đánh giá chung:

- Các chỉ tiêu kết quả SXKD của công ty trong năm 2013 đều hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả này có thể tốt hơn nếu không bị ảnh hưởng bởi khoản lỗ chênh lệch tỷ giá (4,79 tỷ đồng) không có trong kế hoạch. Về chi phí , năm 2013, công ty đã giảm được chi phí quản ly so với 2012 là 27.3% (tương ứng 1,57 tỷ đồng).
- Trong cơ cấu lợi nhuận, các dịch vụ trên bờ (khai thác kho bãi, đại lý, giao nhận vận tải, cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính) đều có lãi và đóng góp chủ yếu, mảng vận tải biển tiếp tục bị lỗ.
- Thị trường vận tải biển tiếp tục khó khăn đã tác động rất lớn đến kết quả SXKD của các DN ngành vận tải biển của Việt Nam. So sánh với các DN cùng ngành, kết quả SXKD 2013 của Công ty ở mức tốt; giá trị cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán ở mức cao so với trung bình doanh nghiệp cùng nghành nghề, cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu 2013	Vietfracht (VFR)	Vosco (VOS)	Vitranschart (VST)	Vinaship (VNA)
1	Vốn điều lệ	**150**	1.400	590	200
2	Doanh thu	**354**	2.065	1.109	681
3	LN trước thuế	**0,2**	-198	-223	-107
4	LNST chưa phân phối	**76**	-217	-300	-70
5	Giá cổ phiếu (đ/cp) ngày 02/4/2014	**9.300**	4.200	3.300	3.300

Ghi chú: Vietfracht chưa điều chỉnh giảm mức trích khấu hao đội tàu như một số doanh nghiệp khác đã áp dụng.

2. Tình hình tài chính Công ty

a- Các chỉ tiêu tài chính năm 2012 – 2013:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	tăng giảm %
1. Tổng giá trị tài sản	Tr đ	660.301	614.893	- 6,8%
2. Doanh thu thuần	Tr đ	373.743	354.840	- 5,0%
3. Lợi nhuận từ hoạt động k/d	Tr. đ	- 20.072	- 22.755	- 13,3%
4. Lợi nhuận khác	Tr. đ	37.933	22.974	- 39,4%
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đ	2.707	219	- 91,9%
6. Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	2.707	- 26,26	

b- Các hệ số tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,71 lần	1,45 lần	Khả năng thanh toán 2013 cải thiện hơn 2012
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,71 lần	1,45 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			Hệ số nợ 2013 giảm so với 2012
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60 lần	0,57 lần	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,51 lần	1,35 lần	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho b/quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,57 lần	0,48 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,72%	0,07%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,03%	0,08%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,41%	0,04%	

3. Tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT

- Với sự nỗ lực cố gắng của BĐH và tập thể CBCNV, năm 2013 Công ty đã thực hiện được hầu hết các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao:
- Hoàn thành vượt mức kế hoạch tài chính năm 2013;
- Tái cơ cấu thành công các khoản nợ vay mua tàu theo hướng gia hạn nợ, giảm lãi suất vay nợ, giúp giảm khó khăn về dòng tiền trong 2 năm tới trong bối cảnh nguồn doanh thu bị thu hẹp;
- Thực hiện bán thành công tàu Vietfracht 02 trước khi lên đà đặc biệt;
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi và ban hành "Qui chế nội bộ về quản trị công ty" theo thông tư số 121/TT-BTC của Bộ Tài chính…

Tuy nhiên cũng còn một số việc đang được tiếp tục thực hiện như dự án hợp tác đầu tư và khai thác dịch vụ kho bãi tại ICD Long Bình – tỉnh Đồng Nai; Dự án thiết lập và khai thác khu chuyển tải quặng rời không bến trên vịnh Vân Phong - tỉnh Khánh Hoà đều đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư; Thị trường mua bán tàu biển vẫn trầm lắng. Tàu VF Glory tuy đã tích cực được rao bán nhưng chỉ có duy nhất một người mua quan tâm là khách hàng Bắc Triều Tiên. Song quốc gia này vẫn còn bị cấm vận nên giao dịch này không thực hiện được

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 CỦA HĐQT

1. Đánh giá những khó khăn và thuận lợi của Công ty

a- Những thuận lợi cơ bản:

- Công ty có truyền thống đoàn kết, năng động sáng tạo và tinh thần vượt khó trong những thời điểm khó khăn nhất, là một thương hiệu có uy tín trên thị trường...
- Có hệ thống cơ sở vật chất tương đối như phương tiện vận chuyển, kho bãi, nhà cửa; Có mạng lưới các chi nhánh, công ty con, công ty LD – LK trải rộng khắp cả nước với các nghiệp vụ kinh doanh phong phú liên quan đến nhau trong chuỗi logistic.

b- Những khó khăn chủ yếu:

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa hồi phục rõ nét, môi trường kinh doanh trong nước còn nhiều khó khăn; thị trường hàng hải thế giới chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, suy thoái.
- Năng lực tài chính bị suy giảm, áp lực về dòng tiền luôn thường trực; thiếu vốn đầu tư vào một số hạng mục cần thiết; trong khi đó số dư nợ của Công ty vẫn còn khá lớn.
- Thực hiện Quyết định 2344/QĐ-TTg ngày 2/12/2013 của Thủ tướng phê duyệt đề án tái cơ cấu TCTy Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, SCIC có kế hoạch thoái vốn tại Công ty do đó sẽ có sự thay đổi lớn về chủ sở hữu của Công ty…

2. Định hướng hoạt động của Công ty năm 2014

a- Mục tiêu cơ bản năm 2014:

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà còn ảm đạm, thị trường VTB còn nhiều khó khăn, khả năng tài chính Công ty lại eo hẹp, lãnh đạo Công ty đặt ra *Mục tiêu để phấn đấu trong năm 2014* như sau:

- Cố gắng duy trì ổn định mọi dịch vụ, mọi hoạt động SXKD của Công ty, phấn đấu đạt kết quả kinh doanh không bị lỗ.
- Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác marketing tìm kiếm thêm khách hàng để giữ mức doanh thu. Tìm mọi giải pháp để giảm lỗ đội tàu, trong đó cần tìm cơ hội để tái cơ cấu đội tàu.
- Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm giảm bớt các khó khăn về tài chính và dòng tiền cho hoạt động SXKD.
- Đảm bảo việc làm và đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.

b- Kế hoạch tài chính Công ty năm 2014:

(1) Sản xuất kinh doanh chính:

- Doanh thu: 346.332 tr.đ
- Chi phí: 346.085 tr.đ
- Lợi nhuận trước thuế: 247 tr.đ

(2) *Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đội tàu.*

Trong đó, khẩn trương triển khai thủ tục bán tàu VF Glory theo quy định pháp luật hiện hành với giá khởi điểm chào bán căn cứ Chứng thư thẩm định giá – thực hiện tháng 3/2014 bởi Công ty CP Định giá và dịch vụ tài chính (77.997 triệu đồng). Theo đó, các chỉ tiêu Doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế sẽ được điều chỉnh tương ứng với kết quả bán tàu VF Glory.

3. Phương hướng công tác của HĐQT năm 2014

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế thế giới và trong nước, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT đưa ra phương hướng - kế hoạch công tác của mình năm 2014 như sau:

- ✓ Thực hiện tốt qui chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp đã được ban hành , tích cực giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.
- ✓ Tiếp tục cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT, nhằm lãnh đạo có hiệu quả Công ty trong tình hình mới, để bảo đảm nguyên tắc giữ vững uy tín và thương hiệu Vietfracht dù Công ty thuộc chủ sở hữu của bất kỳ ai.
- ✓ Duy trì sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Giám đốc trong việc theo dõi, chỉ đạo và giải quyết các công việc của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ.
- ✓ Trước chủ trương thoái vốn nhà nước của SCIC và một số cổ đông lớn, tích cực chủ động tìm chọn cổ đông chiến lược có tiềm năng nhằm phát huy những hoạt động của Công ty, ổn định và phát triển trong mọi hoàn cảnh.
- ✓ Tiếp tục rà soát các quy chế quản lý nội bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các quy định hiện hành của nhà nước.
- ✓ Tăng cường quan hệ với cổ đông thông qua việc cung cấp thông tin tới công chúng một cách chính xác, kịp thời và minh bạch; bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho cổ đông.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2013, phương hướng - kế hoạch công tác năm 2014 của HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu.

Kính trình ĐHĐCĐ !

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Văn Quý

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. KẾT QUẢ SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2013

1. Những nét lớn trong hoạt động của Công ty năm 2013

- Đầu năm Công ty tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2013, Hội nghị Người lao động 2013 và đã tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Vietfracht với tinh thần trang trọng, tiết kiệm.
- Công ty đã bán thành công tàu hàng khô Vietfracht 02 ngay trước kỳ lên đà đặc biệt, trong bối cảnh thị trường hàng hải suy thoái sâu và thị trường mua bán tàu trầm lắng.
- Công ty đã đàm phán và tái cơ cấu thành công các khoản nợ vay ngân hàng theo hướng giãn nợ và giảm lãi suất cho vay, giúp giảm bớt khó khăn cho Công ty.

2. Kết quả SXKD toàn Công ty năm 2013

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	So sánh TH/KH 2013
I	**Vốn điều lệ**	**Tr đ**	**150,000**	**150,000**	
	Cổ phần nhà nước	*Tr đ*	*76,532*	*76,532*	
	Cổ đông khác	*Tr đ*	*73,468*	*73,468*	
II	**KẾT QUẢ SXKD**				
1	**Sản xuất kinh doanh**				
	- Doanh thu	**Tr đ**	**306,566**	**307,493**	**100,30%**
	Vận tải biển	*Tr đ*	*145,990*	*137,983*	*94,52%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*160,576*	*169,510*	*105,56%*
	- Chi phí	**Tr đ**	**323,980**	**321,993**	**99,39%**
	Vận tải biển	*Tr đ*	*176,824*	*163,835*	*92,65%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*147,156*	*158,158*	*107,48%*
	- Lợi nhuận	**Tr đ**	**-17,414**	**-14,500**	**83,27%**
	Vận tải biển	*Tr đ*	*-30,834*	*-25,852*	*83,84%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*13,420*	*11,352*	*84,59%*
2	**Tài chính**	**Tr đ**			
	- Doanh thu	*Tr đ*	10,910	17,655	161,82%
	- Chi phí	*Tr đ*	16,235	21,718	133,77%
	- Lợi nhuận	*Tr đ*	-5,325	-4,063	76,30%
3	**Bất thường**	**Tr đ**			
	- Doanh thu	*Tr đ*	33,312	29,688	89,12%
	- Chi phí	*Tr đ*	4,704	6,713	142,71%
	- Lợi nhuận	*Tr đ*	28,608	22,974	80,31%
4	**Chi phí QLDN**		**5,750**	**4,192**	**72,90%**
5	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tr đ**	**119**	**219**	**184,03%**
	Kinh doanh chính	***Tr đ***	***-17,414***	***-14,500***	***83,27%***
	Vận tải biển	*Tr đ*	*-30,834*	*-25,852*	*83,84%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*13,420*	*11,352*	*84,59%*
	Tài chính	***Tr đ***	***-5,325***	***-4,063***	***76,30%***
	Bất thường	***Tr đ***	***28,608***	***22,974***	***80,31%***
6	**LN sau thuế**	**Tr đ**	**119**	**219**	**184,03%**

Đánh giá chung năm 2013:

+ Trong bối cảnh kinh tế suy thoái kéo dài, các lĩnh vực ngành nghề của Công ty đều đối mặt với nhiều khó khăn và chịu sự cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là lĩnh vực VTB; trong khi nhiều doanh nghiệp cùng ngành nghề tại Việt Nam thua lỗ, năm 2013 Công ty vẫn đảm bảo hoàn thành kế hoạch, cụ thể: tổng doanh thu đạt 101% kế hoạch, lợi nhuận đạt 184% kế hoạch (lợi nhuận năm 2013 có thể đạt cao nữa, nếu không phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá (4,79 tỷ đồng) nằm ngoài kế hoạch.

+ Trong cơ cấu lợi nhuận Công ty, nghiệp vụ VTB tiếp tục phải chịu lỗ do thị trường hàng hải rất xấu, các nghiệp vụ khác (như kinh doanh kho bãi, đại lý tàu biển, GNVT, cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính) đều có lãi. Bên cạnh đó, với tinh thần triệt để tiết kiệm tất cả các khoản chi đều được tính toán, cân nhắc, riêng chi phí quản lý doanh nghiệp tiếp tục cắt giảm 27,3% so với năm trước.

+ Về các đơn vị kinh doanh: Tất cả các đơn vị, chi nhánh, các công ty con đều hoàn thành kế hoạch. Khối quản lý nghiệp vụ VTB cũng hoàn thành kế hoạch vì có mức lỗ thấp hơn mức lỗ kế hoạch.

3. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của các nghiệp vụ kinh doanh 2013

a- Cơ cấu Doanh thu theo các nghiệp vụ kinh doanh (tỷ lệ %):

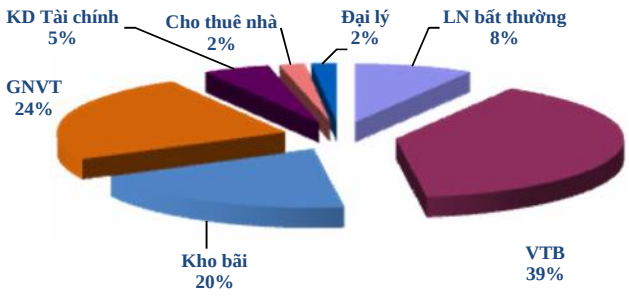

Nhìn chung, các nghiệp vụ VTB, khai thác kho bãi và Giao nhận vận tải vẫn là những mảng kinh doanh quan trọng nhất của Công ty, trong đó mảng VTB vẫn chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất.

b- Lợi nhuận trước thuế từ các nghiệp vụ kinh doanh (tỷ đồng):

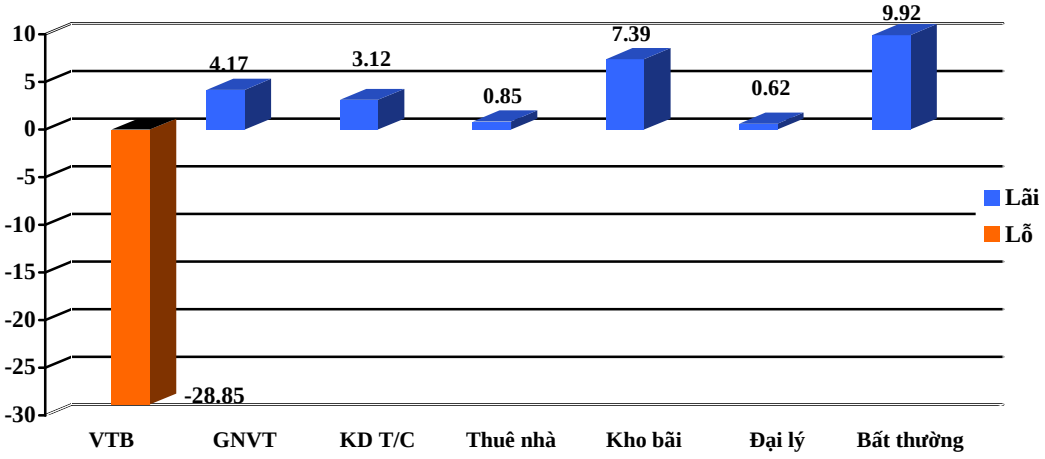

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG NGHIỆP VỤ KD NĂM 2013

1. Mảng kinh doanh Vận tải biển - VTB

- *Tình hình thị trường hàng hải với những khó khăn, bất lợi:* Như đã nêu ở trên, cả 3 quý đầu năm 2013 là sự nối dài tình trạng suy thoái sâu của năm 2012 của ngành hàng hải thế giới. Đội tàu 4 chiếc của Công ty bước vào năm 2013 với giá cho thuê giảm mạnh (giảm từ cuối năm 2012): Giảm 45,5% đối với tàu Thăng Long, giảm 32,4% đối với tàu Blue Lotus, giảm 200 USD/ngày đối với tàu Vietfracht 02. Yếu tố thị trường là nguyên nhân chính làm giảm hiệu quả đội tàu.
- *Các giải pháp đã áp dụng đối với đội tàu:*

+ Các bộ phận trong khối VTB đã có nhiều nỗ lực cố gắng vượt khó để duy trì hoạt động đội tàu, không để tàu chết, tàu dừng hoạt động (như một số doanh nghiệp VTB khác của Việt Nam). Bộ phận khai thác đã cố gắng tìm thị trường, bộ phận quản lý tàu đã làm tốt nhiệm vụ duy trì tình trạng kỹ thuật tàu trong điều kiện eo hẹp kinh phí, quản lý tốt kỳ lên đà của tàu Thăng Long, đặc biệt là đã làm tốt khâu đòi tiền bảo hiểm cho các vụ sự cố. Công tác thuyền viên (TV) đã có nhiều tiến bộ, trong năm 2013 Công ty đã ban hành quy định mới trong việc trả lương TV theo hướng phân loại tốt/ xấu, có thưởng/ phạt khi gây ra lỗi kỹ thuật, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý TV. Ban QLAT đã dần đi vào nề nếp, có những đóng góp tích cực trong khối VTB.

+ Tích cực thực hiện tái cơ cấu đội tàu theo NQ của HĐQT, vào tháng 6/2013 Công ty đã bán thành công tàu Vietfracht 02 – đã trên 20 tuổi, ngay trước kỳ lên đà đặc biệt, góp phần làm giảm chi phí đội tàu. Công ty cũng đã tìm mọi cách để bán tàu VF Glory nhưng chưa thực hiện được vì thị trường mua bán tàu biển trầm lắng, không có khách hàng nào quan tâm tới con tàu này.

- *Kết quả kinh doanh đội tàu năm 2013 (tỷ đồng):*

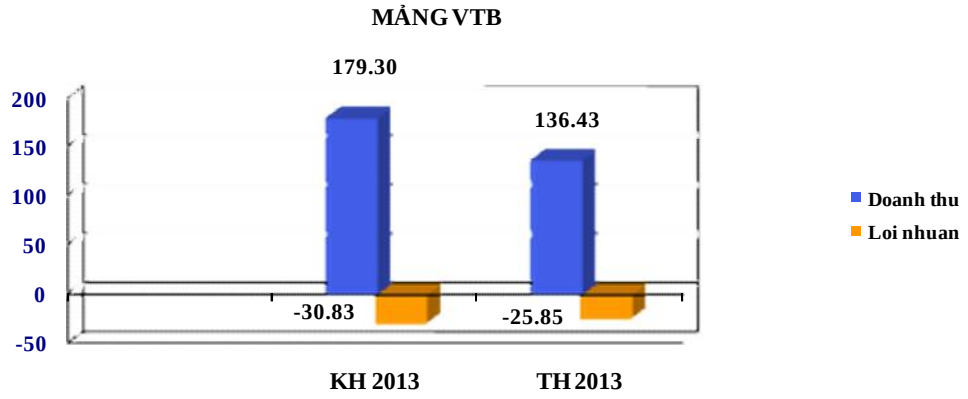

2. Mảng Giao nhận vận tải, Marketting, Kho bãi, Đại lý:

- *Những khó khăn và bất lợi:* Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với các dịch vụ nói trên bởi ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các khách hàng truyền thống của Công ty tiếp tục thu hẹp, cắt giảm dịch vụ (như: Hankyu giảm 42%, Hãng tàu CCL, KCA, ELC giảm sản lượng…); hoặc chấm dứt hợp đồng (như: Nohhi cắt hợp đồng kho bãi, Hãng Encompass chấm dứt hoạt động đại lý cho khách hàng đi Mỹ; Hãng MLL và PDZ dừng hoạt động…). Số lượng tàu đến cảng giảm dần. Trong khi đó, một số chi phí đầu vào vẫn có xu hướng tăng lên (hoặc duy trì ở mức giá cao) như giá dầu, giá thuê phương tiện vận chuyển, chi phí thuê đất, một số loại thuế, phí khác…

- Kết quả kinh doanh năm 2013:

+ Kết quả mảng GNVT (tỷ đồng):

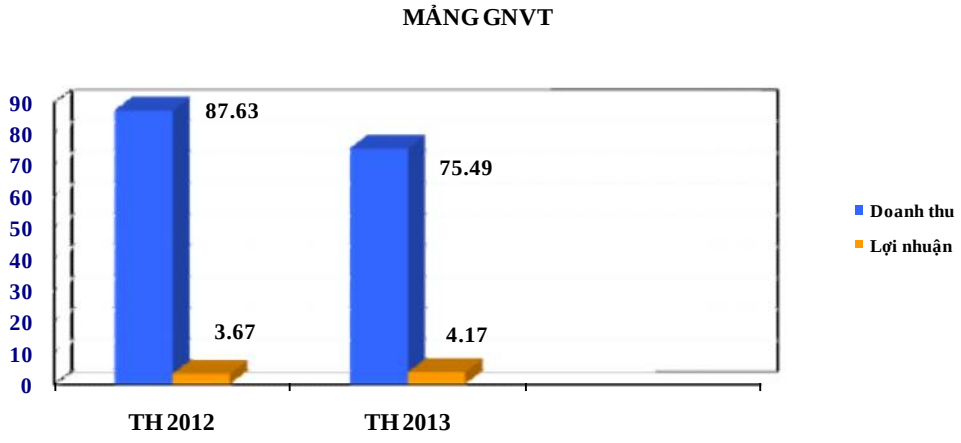

+ Kết quả mảng khai thác Kho bãi (tỷ đồng):

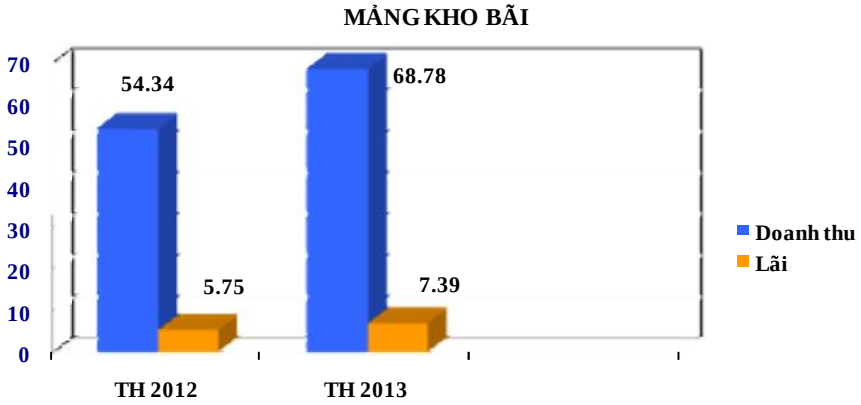

+ Kết quả mảng Đại lý tàu và Đại lý container (tỷ đồng):

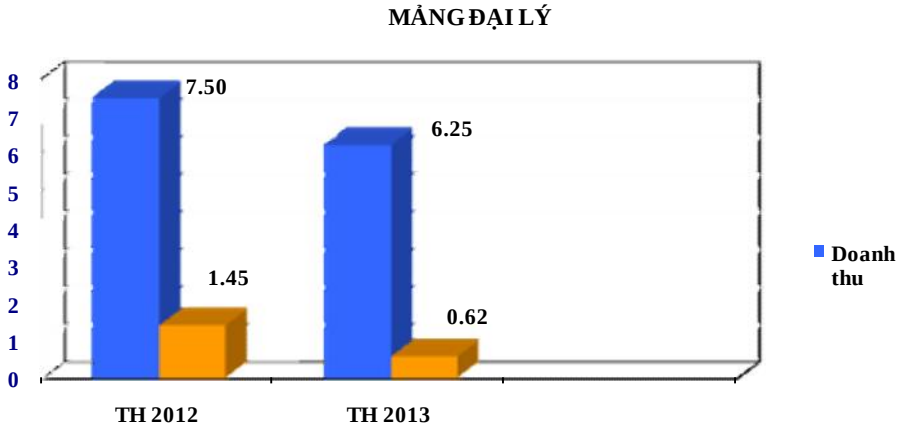

3. Mảng khai thác bất động sản và đầu tư

- *Mảng cho thuê văn phòng*: Năm 2013 vẫn là một năm khó khăn đối với thị trường văn phòng cho thuê, cạnh tranh tiếp tục gay gắt, giá cho thuê có xu hướng giảm dần, có khách hàng xin cắt hợp đồng, hoặc thu hẹp diện tích thuê, hoặc xin giảm giá thuê, việc tìm khách hàng mới gặp nhiều khó khăn.
- Kết quả mảng cho thuê văn phòng (tỷ đồng):

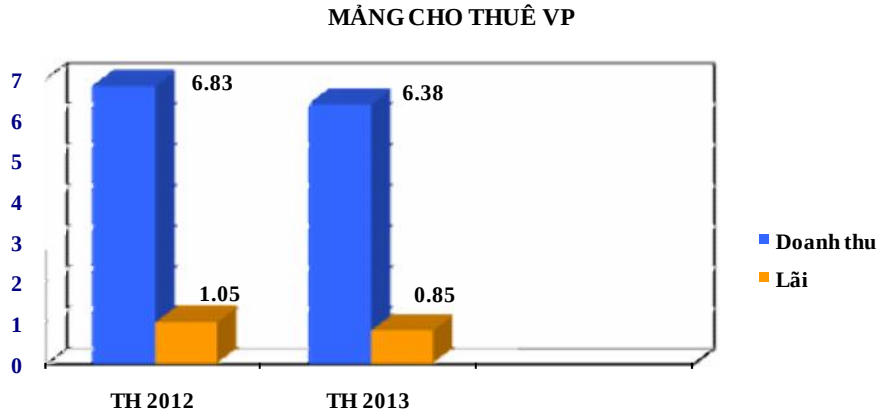

- *Hoạt động đầu tư*: Trong năm qua Công ty đã tích cực triển khai và đang thực hiện khâu chuẩn bị đầu tư các dự án: (i) Dự án xây dựng kho bãi ICD Long Bình – Vietfracht, tỉnh Đồng Nai; (ii) Dự án thiết lập Cảng không bến tại Vịnh Vân Phong – Khánh Hoà và (iii) Dự án xây dựng kho bãi Hòa Cầm của Vietfracht Đà Nẵng tại Tp Đà Nẵng. Tuy nhiên, các dự án này cũng đang gặp phải những khó khăn, trở ngại nhất định như thủ tục hành chính phức tạp, nguồn vốn eo hẹp…

4. Mảng quản lý - kinh doanh tài chính

- Công tác quản lý vốn đầu tư tại các DN khác: Công ty đã chú trọng theo dõi, quản lý hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh liên kết (LD-LK) để kịp thời xử lý công việc hoặc đề xuất giải pháp tới Người đại diện vốn tại các DN này. Năm 2013, khối các công ty LD-LK hoạt động khá hiệu quả, làm ăn có lãi, trong năm 2013 Công ty đã thu được khoảng 14 tỷ đồng cổ tức, đóng góp tích cực cho ngân sách Công ty.
- Công ty đã tích cực đàm phán với các ngân hàng, xin tái cơ cấu thành công các khoản nợ vay mua tàu biển.

5. Các công tác khác

- Nhìn chung các công tác quản lý tổng hợp gồm Tổ chức cán bộ, Lao động tiền lương, Pháp chế - Đối ngoại, Hành chính quản trị, Ban thư ký đều đã có nhiều cố gắng, hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình hoạt động, các bộ phận này đã tuân thủ các quy định của Nhà nước, nội quy Công ty, hỗ trợ tích cực, hiệu qủa cho các hoạt động SXKD, góp phần vào thành tích chung của Công ty.
- Duy trì áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001 – 2008 trong Công ty. Thực hiện nghiêm túc Hệ thống Quản lý An toàn ISM đối với đội tàu Công ty.
- Nhân dịp Vietfracht tròn 50 tuổi (1963 – 2013), Công ty đã tổ chức trang trọng và thành công Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Vietfracht. Năm 2013, *Vietfracht vẫn nằm trong Top 50 Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam*.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ 2014

- *Kinh tế thế giới:* Nhìn chung, nền kinh tế thế giới năm 2014 được dự báo sẽ tiếp tục "ấm" lên từ cái đà của năm 2013, với tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2014 được Ngân hàng Thế giới dự đoán là 3,2%, cao hơn năm 2013 (là 2,4%). Tạp chí "The Economist" đánh giá rằng Châu Âu, Mỹ và Nhật sẽ tiếp tục đà phục hồi, các nước trong khối BRICS vẫn tăng trưởng, tuy tốc độ tăng sẽ chững lại. Tuy nhiên, sự phục hồi nêu trên được đánh giá là không chắc chắn, vì còn nhiêù khó khăn, thách thức, và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn về chính trị - xã hội tại một số khu vực trên thế giới, đặc biệt là cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội mới bùng phát tại Ukraine.
- *Kinh tế Việt Nam:* Trước dấu hiệu phục hồi khiêm tốn của kinh tế trong nước năm vừa qua và tác động tích cực của kinh tế thế giới, triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự báo sẽ sáng sủa hơn so với 2013. Các chỉ tiêu chính được Quốc hội VN đề ra cho năm 2014 là: tăng trưởng GDP đạt 5,8%; chỉ số lạm phát 7%, tổng kim ngạch XNK tăng 10%... Tuy vậy, tình hình kinh tế Việt Nam năm 2014 vẫn rất khó dự đoán, còn nhiều bấp bênh, khó khăn, nhất là đối với khu vực sản xuất...
- *Thị trường hàng hải thế giới:* Theo đánh giá của Ủy ban Kinh tế Hàng hải thuộc Hiệp hội Chủ tàu Châu Á tại một Diễn đàn được tổ chức tại Ấn Độ (tháng 5/2013) và Thái Lan (tháng 10/2013) thì tất cả các phân khúc của thị trường tàu hàng khô, nhất là phân khúc handysize hoặc nhỏ hơn (tức bằng cỡ tàu của Công ty) *sẽ tiếp tục trì trệ trong 2 năm tới* (tức đến giữa hoặc cuối năm 2015) do: (i) Nhu cầu thương mại quốc tế còn thấp; (ii) Cung đội tàu lớn hơn nhiều so với cầu, do nhiều chủ tàu tiếp tục đóng mới tàu bởi giá thành rẻ. Nhìn chung, triển vọng thị trường hàng hải còn rất bấp bênh, không chắc chắn, nhiều rủi ro.

Những khó khăn chính của Công ty trong năm 2014:

- Với những khó khăn nêu trên và do mảng VTB vẫn là mảng quan trọng nhất của Công ty, và gánh nặng tài chính của đội tàu còn đó, nên Công ty đánh giá *năm 2014 đội tàu Vietfracht tiếp tục phải hứng chịu nhiều khó khăn thử thách - bất chấp nền kinh tếT Việt Nam có phục hồi như thế nào.*
- Từ năm 2014 trở đi, các DN Logistics Việt Nam sẽ bước vào cuộc đua tranh mới, do Việt Nam mở cửa thị trường này theo lộ trình cam kết gia nhập Tổ chức WTO, sẽ chịu sự cạnh tranh gay gắt hơn, với hàng loạt các thách thức mới. Ngay tại địa bàn Tp Hải Phòng đã thấy rõ: nguồn cung về kho bãi tăng lên rất mạnh trong thời gian qua và sắp tới đây, cụ thể: Trung tâm Logistic Xanh của Vicoship vừa đưa vào sử dụng 8ha; Hãng Yusen đưa 10ha vào hoạt động trong tháng 6/2014; Kho cảng của TCTy Tân Cảng 128 chuẩn bị đưa vào khai thác… Trong khi đó, hệ thống cơ sở vật chất cung cấp dịch vụ logistics của Công ty, nhất là tại VF Hà Nội, VFHCM, VF Đà Nẵng, còn thiếu và yếu, nên *tiếp tục hạn chế sức cạnh tranh trong lĩnh vực này*.
- *Công ty dự báo về tình hình Công ty năm 2014*: Tuy có chút hy vọng, nhưng chắc chắn rằng các doanh nghiệp SXKD của Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp VTB của Việt Nam nói riêng, trong đó có Công ty chúng ta, ***vẫn sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2014 !***

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1. Các mục tiêu chính năm 2014

Các mục tiêu chính năm 2014 đã được HĐQT đề ra, nêu trong phần Báo cáo của HĐQT, có thể nói gọn là *Duy trì ổn định các dịch vụ đang có*.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2014

- *Lĩnh vực Vận tải biển*:
  - + Năm 2014 dự báo thị trường hàng hải vẫn trầm lắng, đội tàu tiếp tục gặp khó khăn, khối VTB cần nâng cao năng lực quản lý đội tàu, tìm đối tác tiềm năng để cho thuê tàu, cải tiến công tác thuyền viên, quản lý an toàn…
  - + Bên cạnh đó, cần theo dõi sát thị trường mua bán tàu biển để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu đội tàu, trong đó chú trọng tìm cơ hội bán tàu VF Glory theo Nghị quyết của HĐQT.
- *Hoạt động giao nhận, kho bãi, đại lý*:
  - + Các hoạt đồng này tiếp tục gặp khó khăn, cạnh tranh mạnh trong năm 2014, do đó các đơn vị cần chủ động khắc phục khó khăn, duy trì chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí đầu vào. Đặc biệt cần tăng cường hoạt động tiếp thị - marketing, tìm kiếm và phát triển thêm khách hàng.
  - + Bên cạnh đó, cũng cần tìm tòi hướng đi, cách làm mới trong hoạt động giao nhận vận tải – logistics để thích ứng hơn với thời kỳ mở cửa, hội nhập sâu, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực này.
- *Mảng bất động sản*: Khai thác, quản lý có hiệu quả các toà nhà đang cho thuê, tìm kiếm khách hàng, cố gắng lấp đầy diện tích cho thuê; Đồng thời tiếp tục xúc tiến, làm việc để sớm hoàn thành các thủ tục pháp lý về nhà đất đối với các toà nhà của Công ty hiện đang thuê của Nhà nước.
- *Kế hoạch đầu tư năm 2014:* Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và đầu tư ba dự án sau: (i) Dự án xây dựng kho bãi ICD Long Bình – Vietfracht, tỉnh Đồng Nai. (ii) Dự án thiết lập Cảng nổi không bến tại Vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà. (iii) Dự án kho bãi Hòa Cầm – Tp Đà Nẵng. Ngoài ra năm 2014, Công ty dự định đầu tư cải tạo kho bãi Đông Hải tại Tp Hải Phòng để nâng cao hiệu quả khai thác kho bãi này (có tờ trình riêng về Kế hoạch đầu tư 2014).
- *Công tác tài chính, kế toán và đầu tư tài chính:*
  - + Tăng cường kiểm soát công nợ, tận thu, tiết kiệm chi phí, lành mạnh hoá các cân đối tài chính của Công ty. Cố gắng đáp ứng yêu cầu về vốn lưu động cho các đơn vị phục vụ hoạt động SXKD.
  - + Thường xuyên theo dõi hoạt động của các công ty liên doanh liên kết để thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này. Trước động thái thoái vốn của SCIC, TCTy Tân Cảng, dù là chủ sở hữu nào, thì tập thể CBCNV Công ty cũng phải phấn đấu hoạt động hiệu quả, giữ chữ tín, giữ vững thương hiệu Vietfracht.

Kế hoạch tài chính năm 2014:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	So Sánh KH 2014/ TH 2013
I	**Vốn điều lệ**	**Tr đ**	**150,000**	**150,000**	
	Cổ phần nhà nước	*Tr đ*	*76,532*	*76,532*	
	Cổ đông khác	*Tr đ*	*73,468*	*73,468*	
II	**KẾT QUẢ SXKD**				
1	**Sản xuất kinh doanh**				
	- Doanh thu	**Tr đ**	**307,493**	**334,865**	**108,90%**
	Vận tải biển	*Tr đ*	*137,983*	*177,367*	*128,54%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*169,510*	*157,498*	*92,91%*
	- Chi phí	**Tr đ**	**321,993**	**330,076**	**102,51%**
	Vận tải biển	*Tr đ*	*163,835*	*183,947*	*112,28%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*158,158*	*146,129*	*92,39%*
	- Lợi nhuận	**Tr đ**	**-14,500**	**4,789**	
	Vận tải biển	*Tr đ*	*-25,852*	*-6,580*	*25,45%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*11,352*	*11,369*	*100,15%*
2	**Tài chính**	**Tr đ**			
	- Doanh thu	*Tr đ*	17,655	11,467	64,95%
	- Chi phí	*Tr đ*	21,718	12,109	55,76%
	- Lợi nhuận	*Tr đ*	-4,063	-0,642	15,80%
3	**Bất thường**	**Tr đ**			
	- Doanh thu	*Tr đ*	29,688	0	
	- Chi phí	*Tr đ*	6,713	0	
	- Lợi nhuận	*Tr đ*	22,974	0	
4	**Chi phí QLDN**		**4,192**	**3,900**	**93,03%**
5	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tr đ**	**219**	**247**	**112,79%**
	Kinh doanh chính	***Tr đ***	***-14,500***	***4,789***	
	Vận tải biển	*Tr đ*	*-25,852*	*-6,230*	*24,10%*
	Dịch vụ	*Tr đ*	*11,352*	*11,019*	*97,07%*
	Tài chính	***Tr đ***	***-4,063***	***-0,642***	***15,80%***
	Bất thường	***Tr đ***	***22,974***	***0***	
6	**LN sau thuế**	**Tr đ**	**219**	**247**	**112,79%**

- Như vậy, Kế hoạch 2014 từ hoạt động SXKD chính là:
  + Doanh thu: 346.332 tr.đ
  + Chi phí: 346.085 tr.đ
  + Lợi nhuận trước thuế: 247 tr.đ
- Kế hoạch tiếp tục tái cơ cấu đội tàu: Trong đó, khẩn trương triển khai thủ tục bán tàu VF Glory theo quy định của pháp luật hiện hành với giá khởi điểm chào bán căn cứ Chứng thư thẩm định giá tháng 3/2014 của Công ty CP Định giá và dịch vụ tài chính (77.997 triệu đồng). Theo đó, các chỉ tiêu Doanh thu, Chi phí và lợi nhuận trước thuế năm 2014 sẽ được điều chỉnh tương ứng với kết quả bán tàu VG Glory.
- *Các công tác khác*: Các đơn vị quản lý, phục vụ cần phát huy những thuận lợi đã đạt, khắc phục những khó khăn, làm tốt chức năng nhiệm vụ, hỗ trợ có hiệu quả khối SXKD hoàn thành nhiệm vụ.

Phát huy truyền thống đoàn kết, vượt khó, quyết tâm duy trì thương hiệu Vietfracht, tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty ra sức phấn đấu lao động, quyết tâm hoàn thành kế hoạch năm 2014, đưa Công ty vượt qua khó khăn, vững bước đi lên.

Kính trình ĐHĐCĐ./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Xuân Hồng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu;*
- *Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát;*
- *Căn cứ vào Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2013 của Ban Điều hành; Báo cáo tài chính năm 2013 do CPA Việt Nam kiểm toán.*

Ban Kiểm soát Công ty Vietfracht xin báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Ban kiểm soát năm 2013 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1.1 Các công tác đã thực hiện năm 2013:

Căn cứ vào kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2011-2016 đã được Đại hội cổ đông năm 2013 thông qua, Ban Kiểm soát đã họp Bầu trưởng ban, phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong ban và công bố kết quả cho các cổ đông theo quy định.

Năm 2013, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành tốt các công việc theo đúng nhiệm vụ được phân công cho từng thành viên. Bà Trần Thị Thanh Hà - Trưởng ban: Phụ Trách chung, Ông Nguyễn Giang Tiến - Thành viên BKS, Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên BKS. Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Công tytrong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2013 đối với HĐQT và Ban điều hành, cụ thể:

- Tham gia ý kiến và kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty theo thẩm quyền của mình. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT, BGĐ.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính Quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập trong quá trình soát xét, đánh giá báo cáo Tài chính.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2013 là: 124.800.000 đồng

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tháng	Thù lao cả năm
1	Trần Thị Thanh Hà	Trưởng ban	4.000.000	48.000.000
2	Nguyễn Giang Tiến	Thành viên	3.200.000	38.400.000
3	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	3.200.000	38.400.000
	Tổng cộng		**10.400.000**	**124.800.000**

1.2 Định hướng kế hoạch năm 2014:

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công tác Kiểm tra, kiểm soát mọi mặt hoạtđộng của Cty theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật.

Tập trung thực hiện kiểm tra, soát xét công tác tái cơ cấu đội tàu của Công ty.

Theo dõi việc triển khai các dự án đầu tư mới của Công ty (dự án vịnh Vân Phong - Khánh Hòa, xây dựng kho bãi tại ICD Long Bình - Đồng Nai).

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc năm 2013 của Công ty Vietfracht, Ban Kiểm soát không thấy điều gì bất thường.

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các kỳ họp (thường kỳ quý/năm, bất thường) và biểu quyết theo hình thức văn bản, đảm bảo đúng quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định Pháp luật và của Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý, điều hành Công ty.

- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các nghị quyết và/hoặc các quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp luật.

- Năm 2013 HĐQT đã ban hành 07 Nghị quyết và 07 Quyết định, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT; phối hợp tốt với BGĐ để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty.

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc chỉ đạo sâu sát việc thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và của HĐQT:

+ Năm 2013 vẫn tiếp tục là năm kinh tế khó khăn, thị trường vận tải biển suy thoái, các lĩnh vực ngành nghề của Công ty cũng đều gặp khó khăn và chịu sự cạnh tranh gay gắt. Với sự nỗ lực cố gắng của BĐH đã chỉ đạo tập thể CBCNV công ty khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động kinh doanh, tiết kiệm chi phí để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả Doanh thu năm 2013 đạt 101%/kế hoạch, lợi nhuận trước/sau thuế đạt 184%/kế hoạch.

Công ty đã bán thành công tàu VF02 bổ sung tiền vốn, đáp ứng nhu cầu cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đàm phán với Ngân hàng tái cơ cấu các khoản nợ vay mua tàu theo hướng giãn nợ, giảm lãi suất vay, giúp giảm khó khăn về dòng tiền trong 2 năm tới đối với tình hình tài chính của Công ty.

HĐQT đã sửa đổi Điều lệ Công ty (lần 2) và Ban hành "Quy chế nội bộ về quản trị công ty" theo hướng dẫn của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, hoạt động chung của Công ty trong các lĩnh vực dịch vụ đều có lãi, nghiệp vụ kinh doanh Vận tải biển tiếp tục lỗ.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Kiểm soát, công tác quản trị của HĐQT và điều hành của Ban Giám đốc còn một số tồn tại sau đây:

+ Mảng kinh doanh truyền thống của Công ty là Vận tải biển vẫn tiếp tục lỗ, năm 2013 lỗ -25,85 tỷ đồng, bằng 83,2% mức kế hoạch, thấp hơn mức lỗ của năm 2012 (chưa tính thu nhập từ việc bán tàu VF02). Hoạt động VTB lỗ năm thứ 5 liên tiếp đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD chung của Công ty, dòng tiền, khả năng thanh toán của Doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông. Bên cạnh nguyên nhân khách quan kinh tế thế giới khó khăn, thị trường vận tải biển suy giảm… là nguyên nhân chủ yếu gây ra thua lỗ của đội tàu, thì một số hạn chế trong công tác quản lý khai thác tàu, chất lượng thuyền viên chưa tốt làm phát sinh sự cố đâm va, gây thiệt hại lớn về chi phí sửa chữa, mất ngày doanh vận, làm hư hỏng hàng, mất hàng…ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác và uy tín của Công ty, mặc dù trong năm 2013 HĐQT chỉ đạo sát sao BĐH đã có những biện pháp tích cực nhằm hạn chế những tồn tại trên.

+ Tàu VF Glory đã rao bán nhưng chưa bán được do thị trường mua bán tàu trầm lắng, không có khách hàng quan tâm và thực sự Công ty cũng chưa quyết liệt.

+ Một số dự án đầu tư còn triển khai chậm (kho bãi ICD Long Bình Vietfracht Đồng Nai, Xây dựng Cảng không bến tại Vịnh Vân Phong - Khánh Hòa…) do các thủ tục hành chính phức tạp, nguồn vốn đầu tư cho các dự án eo hẹp…

III. Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2013

- BCTC hợp nhất năm 2013 của Công ty đã được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Các BCTC năm 2013 được Kiểm toán và soát xét bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam - Công ty Kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận.

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập về BCTC hợp nhất năm 2013 là ý kiến chấp thuận toàn bộ. Theo đó Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2013, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Đơn vị: Tỷ đồng VN

STT	Chỉ Tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu	354,84	350,788	101
2	Lợi nhuận trước thuế	0,219	0,119	184
3	Lợi nhuận sau thuế	0,219	0,119	184

Năm 2013 Công ty vẫn có lãi, tuy không nhiều, hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao, nếu đi sâu phân tích từng mảng kinh doanh thì toàn Công ty vẫn cần phải nỗ lực hơn nữa: Mảng Vận tải biển: Đội tàu Vietfracht năm 2013 kinh doanh lỗ -25,85 tỷ đồng, bằng 83,2%

mức lỗ kế hoạch và thấp hơn mức lỗ năm 2012. Nếu tính gộp khoản thu nhập thuần từ việc bán tàu VF02 thì lợi nhuận của đội tàu chỉ còn lỗ - 2,49 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là: Cả 3 quý đầu năm 2013 vẫn là sự nối dài tình trạng suy thoái sâu của năm 2012, giá thuê tàu giảm mạnh: Giảm 45,5% đối với Tàu Thăng Long, giảm 32,4% đối với Tàu Blue lotus, giảm 200USD/ngày đối với tàu VF02, quản lý kỹ thuật và thuyền viên còn một số hạn chế. Giữa năm 2013 tàu Blue Lotus hết hạn cho thuê định hạn, Công ty phải tự khai thác nên nguồn thu không ổn định vì thị trường khó khăn. Cuối năm 2013 các tàu cho thuê đều bị trả lại, người thuê không muốn thuê tiếp. Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của HĐQT đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý, tiết kiệm chi phí, duy trì tình trạng kỹ thuật, quản lý kỳ lên đà, đòi tiền Bảo hiểm được 8 tỷ từ sự cố máy chính tàu Blue Lotus, ban hành quy định trong việc trả lương thuyền viên nhằm tăng cường trách nhiệm của các bộ phận.

- Thu nhập do bán tàu VF02 theo MOA ngày 16/05/2013 được: 29,342 tỷ đồng góp phần bù đắp phần lỗ của mảng VTB.
- Mảng giao nhận vận tải, Marketting, Kho bãi, đại lý: Đều có lãi, nhưng giảm so với năm 2012.
- Năm 2013 Công ty thu được khoảng 14 tỷ đồng cổ tức từ các công ty liên doanh - liên kết, góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Chi phí lãi vay 16,783 tỷ đồng và lỗ chênh lệch tỷ giá 5,064 tỷ đồng.
- Đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng nhà 22 Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM.
- Công tác tài chính kế toán đã được thực hiện tốt, kịp thời, chính xác, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Năm 2013, Công ty đã được Cơ quan thuế ra Quyết định về việc Thanh tra thuế tại cơ sở kinh doanh, thời gian kiểm tra từ 2008 đến 2012.

Qua kiểm tra, thanh tra không có sai sót trọng yếu.

V. Một số kiến nghị, đề xuất

- Tiếp tục triển khai quyết liệt việc chào bán tàu VF Glory trên thị trường.
- Cơ cấu lại các khoản Đầu tư tại Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty nhưng đang kinh doanh thua lỗ, các liên doanh có lợi nhuận nhưng không phân chia cho các thành viên góp vốn.
- Bổ sung nguồn lực tài chính và nhân sự cho các mảng hoạt động có hiệu quả. Đầu tư cơ sở vật chất cần thiết, phát triển kho bãi mới tại các địa bàn kinh tế trọng điểm thị trường có nhu cầu lớn.
- Tăng cường kiểm soát công nợ, tiết kiệm chi phí, đảm bảo cân đối tài chính của Công ty. Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, kế hoạch dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, hạn chế rủi ro chi phí vốn tăng cao và biến động tỷ giá bất lợi. Sử dụng hợp lý, đúng mục đích và có hiệu quả nguồn vốn thu được từ tái cơ cấu tài sản, đem lại cổ tức cho các cổ đông.
- Giám sát và quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải biển, cắt giảm chi phí, quản lý thuyền viên, chủ tàu, rà soát các định mức chi phí hoạt động của các tàu (dầu FO, DO, vật tư thay thế…) ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động của đội tàu, tiến tới giảm lỗ.

Kính trình ĐHĐCĐ.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Trần Thị Thanh Hà

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

HộiđồngQuảntri

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Ủy viên
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Ngô Minh Thuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

BanGiámđốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
  Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU VIETFRACHT

Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Số 17, Lô 2C, Khu Đô Thị Trung Yên
Phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
T: +84 (4) 37832121
F: +84 (4) 37832122
E: info@cpavietnam.vn
W: www.cpavietnam.vn

Số: 175/2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/3/2014, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trương Văn Nghĩa	**Trần Thị Hương Quỳnh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+140+150)	**100**		**105.883.774.323**	**96.048.094.453**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	6.1	**56.678.654.385**	**56.276.725.617**
1. Tiền	111		43.678.654.385	43.276.725.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	13.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**30.289.774.131**	**23.232.387.005**
1. Phải thu khách hàng	131		14.280.723.522	8.241.491.342
2. Trả trước cho người bán	132		5.033.741.433	5.543.378.082
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	11.497.056.592	9.912.820.975
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(521.747.416)	(465.303.394)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**58.356.327**
1. Hàng tồn kho	141		-	58.356.327
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18.915.345.807**	**16.480.625.504**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.3	4.162.931.500	4.347.017.864
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	6.4	8.910.928.821	6.203.384.003
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6.4	23.733.861	726.349.465
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.5	5.817.751.625	5.203.874.172
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**509.153.819.184**	**564.252.941.100**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**455.309.675.875**	**509.352.128.838**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.6	444.803.931.856	491.767.232.096
Nguyên giá	*222*		*650.900.158.604*	*696.244.306.343*
Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(206.096.226.748)*	*(204.477.074.247)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		10.073.665.947	10.086.487.866
Nguyên giá	228		*10.107.097.914*	*10.107.097.914*
Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(33.431.967)*	*(20.610.048)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.7	432.078.072	7.498.408.876
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**53.844.143.309**	**53.844.143.309**
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.8	31.795.400.000	31.795.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.9	13.448.743.309	13.863.373.309
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.10	8.600.000.000	8.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**1.056.668.953**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	1.056.668.953
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**615.037.593.507**	**660.301.035.553**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**352.858.639.294**	**397.686.625.143**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**72.947.030.719**	**134.342.616.746**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.11	10.302.399.680	57.818.181.000
2. Phải trả người bán	312		29.515.227.270	31.723.187.965
3. Người mua trả tiền trước	313		21.273.214	306.995.657
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.12	6.011.814.303	6.351.726.213
5. Phải trả người lao động	315		12.037.890.807	17.562.562.788
6. Chi phí phải trả	316		860.247.159	1.412.630.700
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.13	12.173.586.201	19.739.793.443
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.024.592.085	(572.461.020)
II. Nợ dài hạn	**330**		**279.911.608.575**	**263.344.008.397**
3. Phải trả dài hạn khác	333		350.566.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.14	278.416.484.722	262.923.288.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	6.15	1.144.557.853	420.720.397
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**262.178.954.213**	**262.614.410.410**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**262.178.954.213**	**262.614.410.410**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	6.16	150.000.000.000	150.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	6.16	3.410.429.248	3.410.429.248
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	6.16	22.706.844.651	22.706.844.651
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	6.16	10.306.987.274	10.306.987.274
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6.16	75.754.693.040	76.190.149.237
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**615.037.593.507**	**660.301.035.553**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
USD		*1.356.336,52*	*1.052.604,90*
EURO		*370,77*	*381,69*
YEN		*32.153,00*	*29.975,00*
SGD		*594,88*	*571,96*

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Phúc	Nguyễn Thanh Thủy	Ngô Xuân Hồng

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.17	295.005.529.625	373.742.599.934
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.17	295.005.529.625	373.742.599.934
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.18	311.698.428.819	393.814.861.674
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**(16.692.899.194)**	**(20.072.261.740)**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.19	17.654.942.652	14.540.170.857
7.	Chi phí tài chính	22	6.19	21.864.849.013	21.728.520.324
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*16.783.417.395*	*21.437.637.097*
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.834.157.699	7.965.153.698
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**(28.736.963.254)**	**(35.225.764.905)**
11.	Thu nhập khác	31	6.20	42.175.062.874	43.262.968.799
12.	Chi phí khác	32	6.20	13.218.611.539	5.330.345.159
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**28.956.451.335**	**37.932.623.640**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**219.488.081**	**2.706.858.735**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**219.488.081**	**2.706.858.735**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.21	15	180

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Phúc	Nguyễn Thanh Thủy	Ngô Xuân Hồng

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***219.488.081***	***2.706.858.735***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	51.148.071.514	55.641.670.972
- Các khoản dự phòng	03	56.444.022	250.853.394
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	60.428.417	(333.988.189)
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(40.324.970.379)	(46.095.014.683)
- Chi phí lãi vay	06	16.783.417.395	21.437.637.097
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLĐ	***08***	***27.942.879.050***	***33.608.017.326***
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(19.286.095.735)	4.300.200.845
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	58.356.327	(58.356.327)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(359.992.467)	(12.181.542.994)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	1.240.755.317	5.642.639.045
- Tiền lãi vay đã trả	13	(15.788.047.517)	(21.437.637.097)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.753.298.195	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.174.672.906)	(1.185.458.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(5.613.519.736)***	***8.687.862.688***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.560.714.776)	(2.845.766.125)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các TSDH khác	22	29.628.716.186	35.891.723.918
4. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25	(12.000.000.000)	(7.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.081.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.841.469.640	13.713.427.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***41.909.471.050***	***51.840.385.274***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.469.679.174	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(37.303.273.303)	(60.895.435.739)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(35.833.594.129)***	***(60.895.435.739)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**462.357.185**	**(367.187.777)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**56.276.725.617**	**56.186.681.605**
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(60.428.417)	457.231.789
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	**70**	**56.678.654.385**	**56.276.725.617**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Phúc	Nguyễn Thanh Thủy	Ngô Xuân Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION, Tên viết tắt: VIETFRACHT.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

Cổđông	Sốcổphần	Giátri(VND)	Tỷlệsởhữu
Vốn Nhà nước	7.653.200	76.532.000.000	51%
Các cổ đông khác	7.346.800	73.468.000.000	49%
Cộng	**15.000.000**	**150.000.000.000**	**100 %**

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty CP vận tải Tân Cảng Asaco
Công ty Cổ phần In Viễn Đông
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco - Vietfracht
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhờn, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp)

- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

Hoạt động kinh doanh chính cả Công ty trong năm là: Kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính : Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhómtàisản	Thờigiankhấuhao(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao và phần mềm quản lý kho bãi được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	1.560.388.208	1.534.181.163
Tiền gửi Ngân hàng	42.118.266.177	41.742.544.454
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	**56.678.654.385**	**56.276.725.617**

6.2 CÁC PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải	400.000.000	400.000.000
Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	5.229.333.970
Phải thu tiền thuế TNCN	83.294.049	-
Tiền ứng cho các thuyền viên	2.023.577.018	1.184.506.673
MSI Ship Singapore	1.247.786.330	-
Phải thu khác	2.513.065.225	3.098.980.332
Tổng	**11.497.056.592**	**9.912.820.975**

6.3 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí sửa chữa tàu	4.162.931.500	4.162.931.500
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	184.086.364
Tổng	**4.162.931.500**	**4.347.017.864**

6.4 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	8.910.928.821	6.203.384.003
Thuế xuất nhập khẩu đã nộp	23.733.861	20.301.526
Thuế TNDN nộp thừa	-	464.456.520
Thuế khác	-	241.591.419
Tổng	**8.934.662.682**	**6.929.733.468**

6.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	4.865.124.501	4.260.247.048
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	952.627.124	943.627.124
Tổng	**5.817.751.625**	**5.203.874.172**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN

6.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Năm 2013	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01	**42.583.852.829**	**528.168.429**	**650.267.985.849**	**2.761.442.093**	**102.857.143**	**696.244.306.343**
Tăng trong năm	7.039.924.554	-	2.784.331.818	61.361.000	-	9.885.617.372
Mua trong năm	*7.039.924.554*	-	*2.784.331.818*	*61.361.000*	-	*9.885.617.372*
Giảm trong năm	-	-	53.776.335.099	1.453.430.012	-	**55.229.765.111**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*53.776.335.099*	*298.673.120*	-	*54.075.008.219*
Điều chỉnh giảm theo TT 45	-	-	-	*1.154.756.892*	-	*1.154.756.892*
Tại ngày 31/12	**49.623.777.383**	**528.168.429**	**599.275.982.568**	**1.369.373.081**	**102.857.143**	**650.900.158.604**
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01	**13.486.430.838**	**498.998.919**	**188.185.863.819**	**2.202.923.528**	**102.857.143**	**204.477.074.247**
Tăng trong năm	2.273.857.884	13.964.293	48.641.585.881	205.841.537	-	**51.135.249.595**
Trích khấu hao	*2.273.857.884*	*13.964.293*	*48.641.585.881*	*205.841.537*	-	*51.135.249.595*
Giảm trong năm	-	-	48.365.790.678	1.150.306.416	-	**49.516.097.094**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	*48.365.790.678*	*298.673.120*	-	*48.664.463.798*
Điều chỉnh giảm theo TT 45	-	-	-	*851.633.296*	-	*851.633.296*
Tại ngày 31/12	**15.760.288.722**	**512.963.212**	**188.461.659.022**	**1.258.458.649**	**102.857.143**	**206.096.226.748**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01	**29.097.421.991**	**29.169.510**	**462.082.122.030**	**558.518.565**	**-**	**491.767.232.096**
Tại ngày 31/12	**33.863.488.661**	**15.205.217**	**410.814.323.546**	**110.914.432**	**-**	**444.803.931.856**

Nguyên giá của các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 7.233.236.971 đồng.

Nguyên giá tài sản thế chấp ngân hàng là 577.152.856.967 đồng.

6.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	-	6.261.298.692
Nhà 73 Lò Đúc	-	813.911.839
Các công trình khác	156.096.163	147.216.436
Tổng	**432.078.072**	**7.498.408.876**

6.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	4.195.400.000	4.195.400.000
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	27.600.000.000	27.600.000.000
Tổng	**31.795.400.000**	**31.795.400.000**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	8.000.000.000	52,44%	52,44%	Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng
Công ty CP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	30.000.000.000	92,00%	92,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải

6.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	10.341.101.200	10.341.101.200
Công ty CP vận tải Tân Cảng Asaco	*2.626.500.000*	*2.626.500.000*
Công ty CP In Viễn Đông	*5.400.000.000*	*5.400.000.000*
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	*1.534.595.200*	*1.534.595.200*
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	*780.006.000*	*780.006.000*
Đầu tư vào Công ty liên doanh	3.107.642.109	3.522.272.109
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore	*1.187.642.109*	*1.187.642.109*
Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres	-	*414.630.000*
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	*1.440.000.000*	*1.440.000.000*
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	*480.000.000*	*480.000.000*
Tổng	**13.448.743.309**	**13.863.373.309**

6.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP vận tải Tân Cảng Asaco	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics VN	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

(1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS-Singapore. Một phần vốn đã được thu hồi. Số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.

(2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres đã có quyết định giải thể, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng. Ngày 28/10/2013, theo Nghị quyết số 107/2013/VF-HĐQT của Hội đồng Quản trị thông qua tại kỳ họp quý 3/2013 đã xem xét xóa sổ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres.

6.10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (*)	*4.000.000.000*	*4.000.000.000*
Công ty CP ICD Tân Cảng - Long Bình (**)	*4.500.000.000*	*4.500.000.000*
Công ty CP Đầu tư XD Trung Hưng (***)	*100.000.000*	*100.000.000*
Tổng	**8.600.000.000**	**8.600.000.000**

(*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17% trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

(**) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/07/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.

(***) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2010, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.

6.11 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.302.399.680	57.818.181.000
Tổng	**10.302.399.680**	**57.818.181.000**

6.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	133.266.277	111.031.310
Thuế thu nhập cá nhân	481.887.870	491.843.755
Các loại thuế khác	5.396.660.156	5.748.851.148
Tổng	**6.011.814.303**	**6.351.726.213**

6.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	726.266.647	811.057.126
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	100.996.940	9.303.102
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.398.230.603	1.463.650.050
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	5.244.254.560	5.530.552.829
Phải trả cán bộ công nhân viên Công ty nhà nước	-	7.214.182.290
Phải trả khác	3.332.197.552	3.339.408.147
Tổng	**12.173.586.201**	**19.739.793.443**

6.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn		
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	87.698.289.702	102.084.624.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	84.134.421.250	92.565.720.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	116.886.173.450	126.091.125.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	**288.718.884.402**	**320.741.469.000**
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	**10.302.399.680**	**57.818.181.000**
Vay dài hạn đến hạn trả	10.302.399.680	57.818.181.000
Số dư vay và nợ dài hạn	**278.416.484.722**	**262.923.288.000**

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTC/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 01 năm 2011.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 14.18 7 DWT. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 9 năm 2011.

Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)

	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2011)	312.860	512.860	786.308	786.308	786.308
CN NH TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	20.000	760.598	1.501.196	1.501.196	375.299
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (HĐ 2010)	155.748	255.748	715.751	715.751	715.751
Tổng	**488.608**	**1.529.206**	**3.003.255**	**3.003.255**	**1.877.358**

6.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền khách hàng đã trả trước để thuê nhà và thuê tàu cho năm 2014.

6.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	76.532.000.000	76.532.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	73.468.000.000	73.468.000.000
Tổng	**150.000.000.000**	**150.000.000.000**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**-**	**-**

Cổ phiếu giao dịch:

	Năm 2013 Cổ phiếu	Năm 2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**15.000.000**	**15.000.000**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ Đầu tư Phát triển	22.706.844.651	22.706.844.651
Quỹ Dự phòng Tài chính	10.306.987.274	10.306.987.274
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

6.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Biến động nguồn vốn và các quỹ

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2012	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**73.952.790.502**	**260.377.051.675**
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.706.858.735	2.706.858.735
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	*2.706.858.735*	*2.706.858.735*
Giảm trong năm	-	-	-	-	469.500.000	469.500.000
Giảm khác	-	-	-	-	*469.500.000*	*469.500.000*
Tại ngày 31/12/2012	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**76.190.149.237**	**262.614.410.410**
Tại ngày 01/01/2013	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**76.190.149.237**	**262.614.410.410**
Tăng trong năm	-	-	-	-	219.488.081	219.488.081
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	*219.488.081*	*219.488.081*
Giảm trong năm	-	-	-	-	654.944.278	*654.944.278*
Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	-	*409.200.000*	*409.200.000*
Giảm khác (*)	-	-	-	-	*245.744.278*	*245.744.278*
Tại ngày 31/12/2013	**150.000.000.000**	**3.410.429.248**	**22.706.844.651**	**10.306.987.274**	**75.754.693.040**	**262.178.954.213**

(*) Thuế TNDN nộp bổ sung cho năm 2009, 2010 sau kiểm tra thuế năm 2013.

6.17 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	295.005.529.625	373.742.599.934
Tổng	**295.005.529.625**	**373.742.599.934**

6.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	311.698.428.819	393.814.861.674
Tổng	**311.698.428.819**	**393.814.861.674**

6.19 DOANH THU/CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.347.121.444	2.818.914.316
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.548.344.038	826.609.489
Lãi chuyển nhượng vốn	-	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	14.759.477.170	10.894.513.165
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	133.887
Tổng	**17.654.942.652**	**14.540.170.857**
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	16.783.417.395	21.437.637.097
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.064.259.913	278.595.772
Chi phí tài chính khác	17.171.705	12.287.455
Tổng	**21.864.849.013**	**21.728.520.324**
Lãi/lỗ từ hoạt động tài chính	**(4.209.906.361)**	**(7.188.349.467)**

6.20 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, chuyển nhượng tài sản cố định	29.628.916.186	37.507.545.913
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	12.487.308.115	5.748.696.261
Các khoản khác	58.838.573	6.726.625
Tổng	**42.175.062.874**	**43.262.968.799**
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý, chuyển nhượng tài sản	1.297.782.979	3.510.136.716
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, chuyển nhượng	5.410.544.421	1.615.821.995
Chi phí sửa chữa khắc phục sự cố tàu	6.505.297.384	-
Các chi phí khác	4.986.755	204.386.448
Tổng	**13.218.611.539**	**5.330.345.159**
Lãi/lỗ từ hoạt động khác	**28.956.451.335**	**37.932.623.640**

6.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	219.488.081	2.706.858.735
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	219.488.081	2.706.858.735
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	**15**	**180**

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6.22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.658.382.004	97.776.912.922
Chi phí nhân công	39.210.653.648	53.190.697.494
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.142.957.856	55.641.671.572
Chi phí dự phòng	40.792.800	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.947.318.701	179.035.971.756
Chi phí khác	23.573.274.309	16.134.761.628
Tổng	**319.532.586.518**	**401.780.015.372**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
HĐQT và BKS	Thù lao	409.200.000	306.900.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	918.500.000	891.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giaodichbánhàng				
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	71.181.818	94.909.090
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	293.657.434	476.323.310
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	179.149.756	194.810.853
Công ty CP vận tải Tân cảng Asaco	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	190.778.821	127.772.837
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.658.837.623	1.733.503.542
Giaodichmuahàng				
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	521.750	-
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	7.407.957	4.946.160
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	2.752.205

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cáckhoảnphảithu				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	167.232.704	128.501.953
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	49.773.863	27.066.964
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên doanh	Phải thu khách hàng	320.211.290	321.084.333
Cáckhoảnphảitrả				
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả người bán	106.061.325	7.401.620
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết	Phải trả người bán	57.109.554	14.700.000
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN	Công ty liên doanh		100.734.908	-

(*) Các giao dịch trên không bao gồm các giao dịch về chi trả cổ tức

7.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2013:

Đơn vị tính:

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	456.734.393.787	35.032.838.309	491.767.232.096
Xây dựng cơ bản dở dang	-	7.498.408.876	7.498.408.876
Các khoản phải thu	2.917.339.504	25.518.921.673	28.436.261.177
Hàng tồn kho	-	-	-
Tài sản không thể phân bổ	-	-	132.599.133.404
Tổng tài sản	**459.651.733.291**	**68.050.168.858**	**660.301.035.553**
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	9.698.374.088	22.331.809.534	32.030.183.622
Phải trả tiền vay	320.741.469.000	-	320.741.469.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	44.914.972.521
Tổng nợ phải trả	**330.439.843.088**	**22.331.809.534**	**397.686.625.143**

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	217.094.228.285	156.648.371.649	373.742.599.934
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu	**217.094.228.285**	**156.648.371.649**	**373.742.599.934**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	(15.766.989.508)	2.269.744.927	(13.497.244.581)
Chi phí tài chính phân bổ	21.558.977.775	169.542.549	21.728.520.324
Kết quả kinh doanh bộ phận	(37.325.967.283)	2.100.202.378	(35.225.764.905)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	*5.564.020.361*	*32.368.603.279*	*37.932.623.640*
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	2.706.858.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	**-**	**-**	**2.706.858.735**

7.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính:

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải và dịch vụ	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	404.909.033.917	39.894.897.939	444.803.931.856
Xây dựng cơ bản dở dang	-	432.078.072	432.078.072
Các khoản phải thu	7.420.250.337	28.687.275.419	36.107.525.756
Hàng tồn kho	-	-	-
Tài sản không thể phân bổ	-	-	133.694.057.823
Tổng tài sản	**412.329.284.254**	**69.014.251.430**	**615.037.593.507**
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	4.788.796.118	24.726.431.152	29.515.227.270
Phải trả tiền vay	288.718.884.402	-	288.718.884.402
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	34.624.527.622
Tổng nợ phải trả	**293.507.680.520**	**24.726.431.152**	**352.858.639.294**

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: VND

	Kinh doanh vận tải biển	Dịch vụ hàng hải và dịch vụ khác	Tổng
DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	125.495.701.139	169.509.828.486	295.005.529.625
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác		-	-
Tổng doanh thu	**125.495.701.139**	**169.509.828.486**	**295.005.529.625**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chưa bao gồm lãi tiền vay	(30.855.145.767)	23.983.031.526	(6.872.114.241)
Chi phí tài chính phân bổ	21.572.931.744	291.917.269	21.864.849.013
Kết quả kinh doanh bộ phận	(52.428.077.511)	23.691.114.257	(28.736.963.254)
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	*5.982.010.731*	*22.974.440.604*	*28.956.451.335*
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(46.446.066.780)	46.665.554.861	219.488.081
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong năm			**219.488.081**

7.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	**01/01/2013**
	VND	**VND**
Tàisảntàichính		
Tiền và tương đương tiền	56.678.654.385	56.276.725.617
Phải thu khách hàng (ngắn + dài hạn)	14.280.723.522	8.241.491.342
Phải thu khác (ngắn + dài hạn)	11.497.056.592	9.912.820.975
Đầu tư tài chính khác (ngắn + dài hạn)	8.600.000.000	8.600.000.000
Tổng cộng	**91.056.434.499**	**83.031.037.934**
Côngnợtàichính		
Các khoản vay (ngắn + dài hạn)	288.718.884.402	320.741.469.000
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	29.515.227.270	31.723.187.965
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	12.524.152.201	19.739.793.443
Chi phí phải trả	860.247.159	1.412.630.700
Tổng cộng	**331.618.511.032**	**373.617.081.108**

Các loại công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2009 về việc "hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính", tuy nhiên Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	Công nợ
	31/12/2013	**31/12/2013**
	VND	**VND**
Đô la Mỹ (USD)	28.605.137.207	292.722.438.671
Euro (EUR)	10.729.404	-
Yên Nhật (YEN)	6.418.185	-
Đô la Singapo (SGD)	9.102.719	-
Tổng	**28.631.387.515**	**292.722.438.671**

Khi tỷ giá biến động tăng/giảm với biên độ 10% thì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng sẽ tăng/giảm tương ứng là 26,4 tỷ đồng.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng chênh lệch lãi suất giữa vay ngoại tệ và tiền gửi bằng Việt Nam đồng sẽ đảm bảo rủi ro biến động tỷ giá.

7.3 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng hoặc các cam kết cụ thể khác:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	-	10.302.399.680	278.416.484.722	288.718.884.402
Phải trả người bán	29.515.227.270	-	-	29.515.227.270
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	860.247.159	-	860.247.159
Tổng	**29.515.227.270**	**11.162.646.839**	**278.416.484.722**	**319.094.358.831**
Tại ngày 01/01/2013				
Các khoản vay và nợ	-	57.818.181.000	262.923.288.000	320.741.469.000
Phải trả người bán	31.723.187.965	-	-	31.723.187.965
Chi phí phải trả và chi phí trích trước khác	-	1.412.630.700	-	1.412.630.700
Tổng	**31.723.187.965**	**59.230.811.700**	**262.923.288.000**	**353.877.287.665**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng để cân đối luồng tiền phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

7.4 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

7.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Hồng Phúc	Nguyễn Thanh Thủy	Ngô Xuân Hồng

CƠ CẤU LÃNH ĐẠO CÔNG TY

THANH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Văn Quý
CT HĐQT

Ông Ngô Xuân Hồng
UV HĐQT

Ông Nguyễn Trọng Hiền
UV HĐQT

Ông Ngô Minh Thuấn
UV HĐQT

Ông Nguyễn Quang Thoại
UV HĐQT

THANH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Thanh Hà
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Giang Tiến
TV BKS

Ông Nguyễn Tuấn Anh
TV BKS

Ông Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

Ông Trần Bình Phú
Phó TGĐ Thường trực

Ông Lê Văn Thành
Phó TGĐ

Ông Nguyễn Thành Luyện
Phó TGĐ

Ông Nghiêm Minh Tiến
Phó TGĐ

Ông Vũ Anh Tú
Phó TGĐ

Ông Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Ông Trần Văn Quý – CT HĐQT

Sinh ngày 03/12/1954, Kỹ sư kinh tế Vận tải biển, từ năm 1985 Ông là Thuyền trưởng các tàu của Vietfracht, từ năm 1993 đến năm 1996 ông đảm nhận các chức vụ Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 1998 Ông giữ chức vụ Giám đốc xí nghiệp APL (ASACO), từ năm 2000 đến năm 2003 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh APL Việt Nam và Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 2004 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2006 Ông giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2009 Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556
Số CP sở hữu cá nhân: 33.500
Số CP nắm giữ: 2.559.056

Ông Ngô Xuân Hồng – UV HĐQT

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556
Số CP sở hữu cá nhân: 4.900
Số CP nắm giữ: 2.530.456

Ông Nguyễn Trọng Hiền – UV HĐQT

Sinh ngày 10/09/1976, Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Học viện QTKD Vương Quốc Bỉ, từ năm 2005 đến năm 2007 Ông giữ các chức vụ Phó phòng, Trưởng phòng Dự án Công ty Investpro, từ tháng 5 năm 2007 đến nay, Ông công tác tại Ban Đầu tư 2 - Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn NN (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.602.088
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 2.602.088

Ông Ngô Minh Thuấn – UV HĐQT

Sinh ngày 07/02/1971, Thạc sĩ kinh tế Vận tải biển, từ năm 1994 đến năm 2007 Ông lần lượt giữ các chức vụ nhân viên điều độ, Trợ lý điều hành sản xuất – XN Cảng Cát Lái, Đội trưởng Trực ban sản xuất – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc kiêm Trực ban SX – Trung tâm điều độ, Phó Giám đốc và Giám đốc Trung tâm điều độ, từ năm 2009 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Số CP Đại diện phần vốn của cổ đông chiến lược: 1.000.000
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 1.000.000

Ông Nguyễn Quang Thoại – UV HĐQT

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1983 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó và Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD CSS, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Cty Dịch vụ Hàng hải, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến năm 2011 Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfrach), từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN..

Số CP Đại diện phần vốn NN:0
Số CP sở hữu cá nhân: 5.900
Số CP nắm giữ: 5.900

Bà Trần Thị Thanh Hà - Trưởng BKS

Sinh ngày 25/12/1968, Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính kế toán, từ năm 1990 đến năm 1999 Bà là chuyên viên kế toán tại Cty sản xuất kinh doanh XNK Prosimex,từ năm 1999 đến năm 2009 Bà lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Phó phòng TCKT, Trưởng Ban kiểm soát, Chuyên viên – Cty SX KD XNK Prosimex, từ năm 2009 cho đến nay Bà là Chuyên viên Ban TCKT – Tổng Cty Đầu Tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 0

Ông Nguyễn Giang Tiến - UV BKS

Sinh ngày 17/03/1951, Cử nhân Kinh tế đối ngoại, từ năm 1978 đến năm 2003 Ông lần lượt giữ các chức vụ Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, năm 2003 ông giữ các chức vụ Phó Tổng Giám đốc, UV HĐQT Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, tháng 10/2006 Ông giữ chức vụ Phó TGĐ Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), tháng 3 năm 2011 Ông nghỉ hưu theo chế độ chính sách của NN.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 3.300
Số CP nắm giữ: 3.300

Ông Nguyễn Tuấn Anh – UV BKS

Sinh ngày 22/10/1981, cử nhân kinh tế, hiện Ông đang là Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam.

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 2.000
Số CP nắm giữ: 2.000

Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 2.525.556
Số CP sở hữu cá nhân: 4.900
Số CP nắm giữ: 2.535.356

Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Sinh ngày 21/02/1960 cử nhân kinh tế, từ năm 1982 đến năm 2000 Ông làm chuyên viên tại các phòng nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ năm 2000 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Vận tải biển, Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Giao nhận vận tải, Trợ lý Tổng Giám đốck iêm Trưởng phòng Marketing, từ tháng 4 năm 2011 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 4.200
Số CP nắm giữ: 4.200

Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/05/1963 kỹ sư Hàng Hải ngành điều khiển tàu biển, từ năm 1987 đến năm 2005 Ông giữ các chức vụ Thủy thủ, Thuyền phó, Thuyền trưởng các tàu biển Vietfracht, từ năm 2005 đến năm 2011 Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chuyên viên phòng Vận tải biển, phó trưởng phòng Vận tải biển, Phó trưởng phòng Quản lý tàu, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Vận tải biển và Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Vận tải biển, từ tháng... năm 2011 đến nay Ông giữ chứcPhó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 500
Số CP nắm giữ: 500

Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 01/07/1959 Thạc sỹ kinh tế Ngoại thương, từ năm 1980 đến năm 2004 Ông làm chuyên viên tại các phòng quản lý và nghiệp vụ của Công ty Vietfracht, từ tháng 9 năm 2004 đến tháng 1 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Phó Trưởng phòng QLĐTXD, Phụ trách phòng QLĐTXD, Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 8 năm 2011Ông đảm nhiệm chức vụ Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng ĐTPT, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 7.400
Số CP nắm giữ: 7.400

Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 10/06/1959 Thạc sĩ Quản trị kinh doanh UBI – Brusel, Bỉ cử nhân kinh tế Ngoại Thương,cử nhân luật ĐH Luật HN, từ năm 1981 đến năm 1989 Ông tham gia lực lượng vũ trang, từ năm 1989 đến năm 1992 Ông làm Trưởng phòng XNK Công ty Đầu tư Hà Nội, từ năm 1992 đến năm 1998 Ông làm Cán bộ phòng Đại lý HAS – VFHCM và đảm nhiệm chức vụ Phó Phòng đại lý HAS – VFHCM, từ năm 1998 đến tháng 8 năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Trưởng phòng Đại lý SSPL, Phó Giám đốc chi nhánh VFHCM, Giám đốc chi nhánh VFHCM, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vân tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 0
Số CP nắm giữ: 0

Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 29/09/1957 cử nhân kinh tế Ngoại thương, từ năm 1979 đến năm 1983 Ông làm cán bộ phòng Nghiệp vụ XNK Cty GNKV Ngoại thương Hải Phòng,, từ năm 1984 đến năm 1989 Ông học Đại học Ngoại thương ngành kinh tế, từ năm 1990 đến năm 1995 Ông là cán bộ Chi nhánh Công ty Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng, từ năm 1996 đến năm 2011 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Trưởng phòng Đại lý tàu biển – VFHP, Phó GĐ chi nhánh VFHP, Giám đốc chi nhánh VFHP, từ tháng 9 năm 2011 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu (Vietfrach).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 2.500
Số CP nắm giữ: 2.500

Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng

Sinh ngày 26/10/1957 Thạc sỹ kinh tế từ năm 1981 đến năm 1999 Ông giữ các chức vụ giáo viên Trường cao cấp NV Ngân hàng, chuyên viên phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó phòng kiểm toán nội bộ, Từ năm 2001 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ Công ty, Phó kế toán trưởng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, từ tháng 11 năm 2008 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuế tàu (Vietfracht).

Số CP Đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 10.000
Số CP nắm giữ: 10.000

QUYỀN LỢI CỦA HĐQT và BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Qui chế trả lương như sau:

Hệ số lương: theo qui định của NĐ 205/2004/CP ngày 14/12/2006

- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 7,3
- Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc: Bậc 2/2 - Hệ số 6,97
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 5,98
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc 2/2 - Hệ số 5,98

Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:

- Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: Bậc ½ - Hệ số 13,00
- Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 12,00
- Ông Lê Văn Thành – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Trần Bình Phú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thành Luyện – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nghiêm Minh Tiến – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Vũ Anh Tú – Phó Tổng Giám đốc: Bậc ½ - Hệ số 10,00
- Ông Nguyễn Thanh Thủy – Kế toán trưởng: Bậc ½ – Hệ số 9,5

Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty

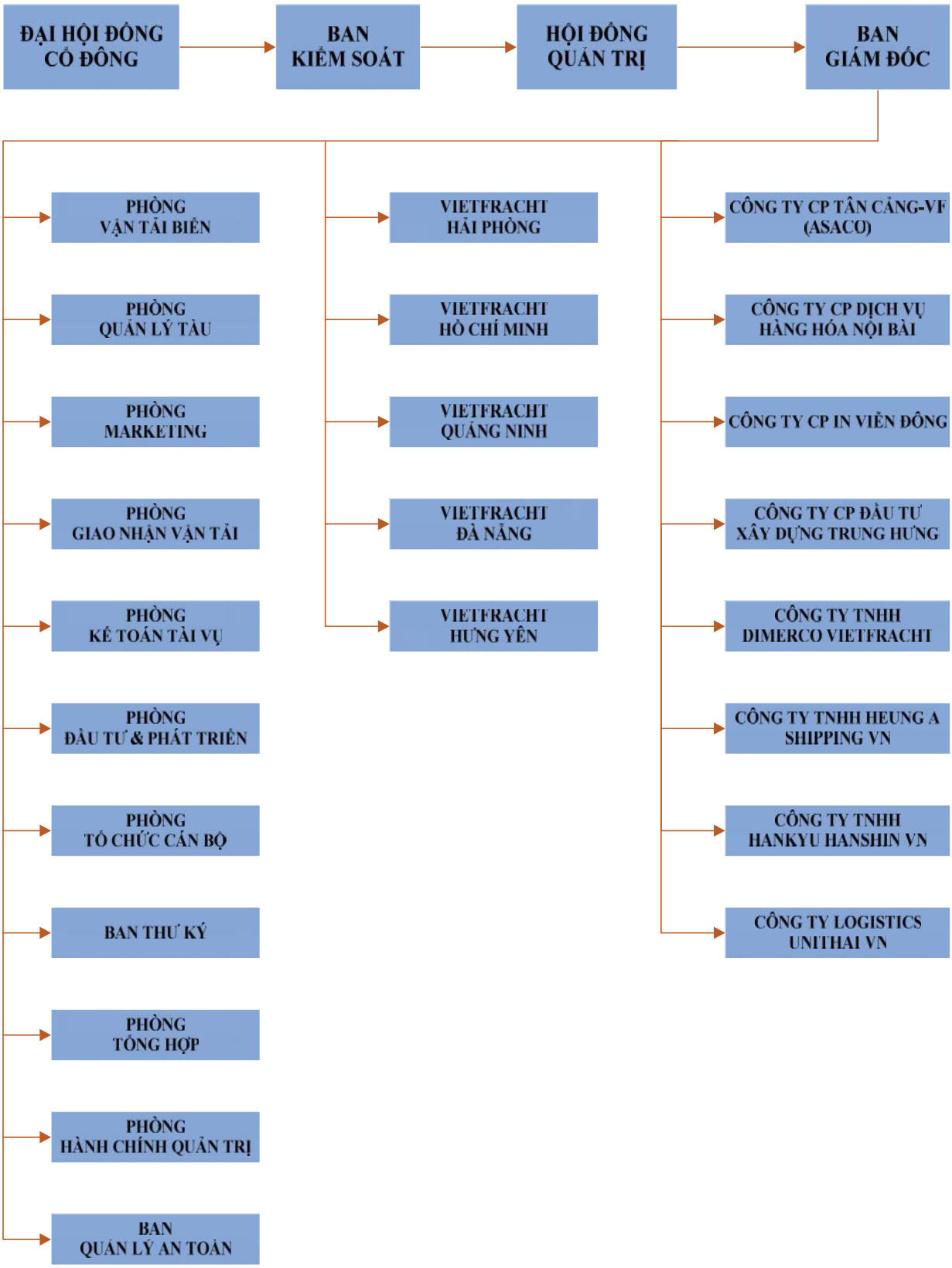
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN GIÁM ĐỐC
PHÒNG VẬN TẢI BIỂN
PHÒNG QUẢN LÝ TÀU
PHÒNG MARKETING
PHÒNG GIAO NHẬN VẬN TẢI
PHÒNG KẾ TOÁN TÀI VỤ
PHÒNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN
PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
BAN THƯ KÝ
PHÒNG TỔNG HỢP
PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ
BAN QUẢN LÝ AN TOÀN
VIETFRACHT HẢI PHÒNG
VIETFRACHT HỒ CHÍ MINH
VIETFRACHT QUẢNG NINH
VIETFRACHT ĐÀ NẴNG
VIETFRACHT HƯNG YÊN
CÔNG TY CP TÂN CẢNG-VF (ASACO)
CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
CÔNG TY CP IN VIỄN ĐÔNG
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG HƯNG
CÔNG TY TNHH DIMERCO VIETFRACHT
CÔNG TY TNHH HEUNG A SHIPPING VN
CÔNG TY TNHH HANKYU HANSHIN VN
CÔNG TY LOGISTICS UNITHAI VN

Trình độ	Số lượng
Trên Đại học	08
Đại học	239
Khác	273
Tổng	520

Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầu đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng dậy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT NẮM GIỮ TRÊN 50 % VỐN ĐIỀU LỆ

1. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHĐT Tp Đà Nẵng.

Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.
Vốn Điều lệ: 8.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 4.195.400.000 đồng, chiếm 52,44 % vốn ĐL

Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

2. Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900245281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2008.

Trụ sở chính: Km 24, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 27.600.000.000 đồng, chiếm 92% vốn Điều lệ.

Ngành kinh doanh: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sắt, vận tải quá cảnh, vận tải đa phương thức; Đại lý giao nhận vận tải và tiếp vận (logistics); Kinh doanh cảng cạn (ICD), kho bãi container, kho ngoại quan; Môi giới hàng hải, XNK hàng hoá; Kinh doanh Bất động sản.

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACHT NẮM GIỮ DƯỚI 50 % VỐN ĐIỀU LỆ

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty TNHH Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	09/12/2005	780 triệu đ.	49%
2	Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Viet Nam	Hà Nội	07/07/2008	1,534 tỷ đ.	49 %
3	Công ty CP Tân Cảng-VF (ASACO)	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,626 tỷ đ.	34 %
4	Công ty TNHH Heung-A Shipping Viet Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,44 tỷ đ.	30 %
5	Công ty CP In Viễn Đông	Hưng Yên	10/05/2010	4,4 tỷ đ.	30%
6	Công ty CP Unithai Logistics Viet Nam	Hồ Chí Minh	29/02/2008	480 triệu đ.	20%
	Tổng số:			**15,944 tỷ đ.**	

CÁC CÔNG TY MÀ VIETFRACTHT GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn đầu tư dài hạn hoặc đầu tư dài hạn vào 3 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 9,5 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP ĐTXD Trung Hưng	Hà Nội	02/06/2010	1 tỷ đ.	10%
2	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,00 tỷ đ.	4,17 %
3	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	4,5 tỷ đ.	3 %
	Tổng số:			**9,5 tỷ đ.**	

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
1	Tổng Cty Đầu tư và KD vốn Nhà nước	7.653.200	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	51%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Năm sinh	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
I	**Tổ chức**				
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)		7.653.200	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
2	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		1.000.000	722 Điện Biên Phủ, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.	Khai thác cảng container và các dịch vụ hàng hải
II	**Cá nhân**				
1	Trần Văn Quý	03/12/1954	33.500	86H Võ Thị Sáu, Q. 1, TP. HCM	
2	Ngô Xuân Hồng	08/01/1969	4.900	5/26 Ngõ 678, La Thành, HN	
3	Nguyễn Trọng Hiền	10/09/1976	0	15A Trần Khánh Dư, HN	
4	Nguyễn Quang Thoại	2008/1951	5.900	55 Ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ, HN	
5	Nguyễn Tuấn Anh	22/10/1981	2.000	220 Thụy Khuê, Tây Hồ, HN	
6	Nguyễn Giang Tiến	17/03/1951	3.300	Nhà số 5/24 Ng. Phúc Lai, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, HN	
7	Trần Bình Phú	21/02/1960	4.200	Số 23 Ngõ 49 Huỳnh Phúc Kháng, HN	
8	Lê Văn Thành	10/05/1963	500	Số 6/203/22 Thanh Lương, Hai Bà Trưng, HN	
9	Vũ Anh Tú	29/09/1957	2.500	6/149 Hai Bà Trưng, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	
10	Nguyễn Thành Luyện	01/07/1959	7.400	203 Bà Triệu, HN	
III	**Nước ngoài**				
	Cổ đông nước ngoài		1.35%		

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT
Trụ sở chính: *74 Nguyễn Du, Hà Nội*
Điện thoại: *04.38228915*
Fax: *04.39423679*
Website: *www.vietfracht.com.vn*

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG
Địa chỉ: *35 Minh Khai, TP. Hải Phòng*
Điện thoại: *031.3745529*
Fax : *031.3842276*

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: *Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh*
Tel: *08.38215809*
Fax: *08.38216682*
Website: *www.vietfracht-hcm.com*

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH
Địa chỉ: *51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN*
Điện thoại: *033.3826697*
Fax: *033.3825659*

VIETFRACHT QUY NHƠN
Địa chỉ: *88 Mai Xuân Thưởng, TP. Qui Nhơn*
Điện thoại: *056.3814589*
Fax: *056.3822687*

VIETFRACHT ĐÀ NẴNG
Địa chỉ: *113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng*
Điện thoại: *0511.3823538*
Fax: *0511.3897406*
Website: *www.vfv.com.vn*

VIETFRACHT HƯNG YÊN
Address: *Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Hưng Yên*
Điện thoại: *04.38228915 / máy lẻ 210*
Fax: *04.38263978*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG HƯNG
Address: *Số 4, Lô 15E, Đường Trung Hòa, TrungYên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội*
Điện thoại: *04.66583436*
Fax: *04.37868567*

CÔNG TY CP IN VIỄN ĐÔNG
Address: *Km 24, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Hưng Yên*
Điện thoại: *0321.3587587*
Fax: *03213587590*

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT
Địa chỉ: *29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh*
Điện thoại: *08.39106028*
Fax : *08.39106027*

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VN
Địa chỉ: *Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trứ, Quận1,TP Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Điện thoại: *08.38210806*
Fax: *08.38211050*
Website: *www.heung-a.co.kr*

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU-HANSHIN VIỆT NAM
Địa chỉ: *52 Hoà Mã, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*
Điện thoại: *04.39420231*
Fax: *04.39424909*

CÔNG TY CP UNITHAI LOGISTICS VIỆT NAM
Địa chỉ: *101 Đường Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM Quận 3, TP Hồ Chí Minh*
Điện thoại: *08.39146849*
Fax: *08.39146849*

CÔNG TY CP TÂN CẢNG VF
Địa chỉ: *16 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh*
Điện thoại: *08.38291331*
Fax: *08.38279124*
Website: *www.vietfrachtlog.com.vn*

CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Địa chỉ: *Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai*
Điện thoại: *061.2608107*
Fax: *08.35129471*
Website: *www.saigonnewport.com.vn*

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI
Address: *Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội*
Điện thoại: *04.35840905*
Fax: *04.35840906*
Website: *www.noibaicargo.com.vn*